

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**
Số: 548/CBTT-DBD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức:	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)
Mã chứng khoán:	DBD
Trụ sở chính:	498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại:	0256.3846500
Fax:	0256.3846846
Người thực hiện công bố thông tin:	Bà Phạm Thị Thanh Hương
Chức vụ:	Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật
Loại thông tin công bố	☒ Định kỳ ☐ Bất thường (24h) ☐ Yêu cầu

Nội dung công bố:

1. Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 47/NQ-HĐQT ngày 03/04/2025 về việc thông qua Tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty.
2. Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/04/2025 tại website www.bidiphar.com.

Chúng tôi xin cam kết rằng các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

Tài liệu đính kèm

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 47/NQ-HĐQT ngày 03/04/2025;
- Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc Thanh



PHẠM THỊ THANH HƯƠNG

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc Thông qua Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Luật chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);
Căn cứ Biên bản lấy ý kiến biểu quyết của Hội đồng quản trị Công ty số 24/BB-HĐQT ngày 28/03/2025;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (chi tiết đính kèm Nghị quyết này).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty, phòng TCHC và các bộ phận liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Người ký: TẠ
NAM BÌNH
Thời gian ký:
03.04.2025
10:05:09 +07:00

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

**THƯ MỜI
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**

**Kính gửi: Quý cổ đông
Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)**

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar). Chi tiết như sau:

1. Thời gian, địa điểm và hình thức tổ chức

- Thời gian: **07 giờ 30, Thứ bảy, ngày 26 tháng 04 năm 2025.**
- Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).
- Hình thức tổ chức: Trực tiếp.

2. Điều kiện tham dự Đại hội

- Tất cả các Cổ đông sở hữu chứng khoán của Bidiphar theo Danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2025 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Trường hợp Cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản đúng theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

3. Tài liệu đại hội

- Thư mời họp; Giấy ủy quyền tham dự Đại hội sẽ được gửi đến Quý cổ đông.
- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Chương trình họp, Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội và các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội) sẽ được đăng tải, cập nhật (nếu có) trên website của Bidiphar, mục Thông báo cổ đông tại địa chỉ: <https://bidiphar.com/category/quan-he-co-dong/thong-bao-co-dong/>. Mời Quý Cổ đông truy cập website hoặc scan QR code bên dưới để xem tài liệu.

4. Đăng ký tham dự Đại hội

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội được chu đáo, rất mong Quý cổ đông vui lòng gửi Giấy ủy quyền tham dự Đại hội được gửi kèm trong tài liệu Đại hội và đăng tải trên website: <https://bidiphar.com/> đến Công ty trước **16h00, ngày 22/04/2025** theo địa chỉ:

THƯ KÝ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại và email liên hệ: 0346169105 – thaotmt@bidiphar.com

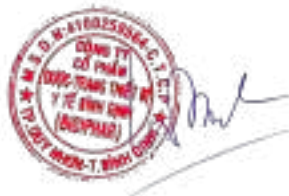
Khi đến tham dự Đại hội, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền vui lòng mang theo **bản chính** Thư mời họp, **bản chính** Giấy ủy quyền tham dự Đại hội (trong trường hợp được ủy quyền từ cổ đông) và Căn cước công dân/Hộ chiếu.

Trân trọng.

Mã QR để xem tài liệu:



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH
Thời gian ký:
03.04.2025
09:45:59 +07:00



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

Kính gửi: HĐQT Công Ty Cổ Phần Dược – Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)

Bên ủy quyền:

Cổ đông:
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
Địa chỉ:
Điện thoại:
Hiện đang sở hữu/dại diện sở hữu (theo danh sách chốt ngày 24/03/2025): cổ phần của
Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).
Ủy quyền cho:

Bên được ủy quyền: (Chọn 1 trong 2 mục dưới đây)

1. Ông/Bà:
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại:

2. Hoặc trường hợp cổ đông không tham dự và chưa có người đại diện, có thể ủy quyền cho một trong những thành viên Hội đồng quản trị sau đây: (đánh dấu X vào 01 ô được lựa chọn)

- | | |
|--|--|
| ☐ Ông Tạ Nam Bình – Chủ tịch HĐQT | ☐ Bà Phạm Thị Thanh Hương – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc |
| ☐ Bà Nguyễn Thị Minh Giang – Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT | ☐ Ông Nguyễn Ngọc Dũng – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc |
| ☐ Ông Phan Tấn Thư – Thành viên độc lập HĐQT, thành viên UBKT | ☐ Ông Nguyễn Tiến Hải – Thành viên HĐQT |
| ☐ Ông Trương Thanh Liêm – Thành viên HĐQT, Trưởng Ban KTNB | |

Bên được ủy quyền thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Dược – Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội tương ứng với toàn bộ số lượng cổ phiếu ủy quyền nêu trên.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2025
BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

Người được ủy quyền khi đi dự họp vui lòng mang theo: Giấy ủy quyền (bản gốc), Thư mời họp của người ủy quyền và CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản chính) của người được ủy quyền.

Trường hợp Quý cổ đông ủy quyền cho một trong những thành viên HĐQT, vui lòng gửi bản công Giấy ủy quyền đã ký về Công ty trước 16h00, ngày 22/04/2025 theo địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định hoặc gửi cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông trước khi vào phòng tham dự Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Ngày: 26/04/2025

Stt	Nội dung	Thời gian
I	ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU VÀ THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG	7h30 – 8h00
II	KHAI MẠC ĐẠI HỘI	
1	Tuyên bố lý do	8h00 – 8h30
2	Giới thiệu đại biểu	
3	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông	
4	Thông qua thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội	
5	Thông qua danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu	
6	Thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội	
III	CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ	
1	Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua: 1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024; 2. Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2024; 3. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty; 4. Định hướng hoạt động năm 2025 của Công ty; 5. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2025; 6. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025; 7. Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để chi cổ tức năm 2024; 8. Tờ trình sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 749/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2024; 9. Tờ trình chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư; 10. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; 11. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; 12. Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; 13. Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông	8h30 – 9h45
2	Thảo luận và đóng góp ý kiến	9h45 – 10h15
IV	BIỂU QUYẾT	
1	Biểu quyết	10h15 – 11h15
2	Công bố kết quả biểu quyết của cổ đông	
V	BẾ MẠC ĐẠI HỘI	
1	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	11h15 – 11h30
2	Tuyên bố bế mạc	

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Dược – Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty Cổ Phần Dược – Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 24/03/2025 được quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tại Đại hội.
3. Cuộc họp ĐHĐCĐ do Chủ tọa điều khiển. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.
4. Khi tiến hành đăng ký tham dự đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành như sau:

4.1. Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết (theo mẫu đính kèm)

- Đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Nghị quyết Đại hội và các vấn đề phát sinh ngay tại Đại hội.
- Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành, hoặc Không tán thành, hoặc Không có ý kiến.

4.2. Biểu quyết bằng cách điền vào Phiếu biểu quyết (theo mẫu đính kèm)

- Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu X vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Phiếu biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là Phiếu biểu quyết:
 - + Không do Công ty phát hành hoặc được ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác,...khi không được Chủ tọa yêu cầu;
 - + Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn;
 - + Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

- Trong một Phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.
 - Trường hợp cổ đông biểu quyết nhằm hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại Phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại Phiếu biểu quyết cũ.
 - Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do cá nhân không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không tham gia biểu quyết.
 - Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.
5. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến, Không hợp lệ và Không tham gia biểu quyết của ĐHĐCĐ đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.
 6. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
 7. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo tỉ lệ biểu quyết quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 8. Thẻ lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước ĐHĐCĐ và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Thẻ lệ này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc với tất cả các cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ

NAM BÌNH

Thời gian ký:

03.04.2025

09:46:35 +07:00

Phụ lục 1. Mẫu Thẻ biểu quyết

(Đính kèm Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

Ngày 26/04/2025

THẺ BIỂU QUYẾT

SỐ CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT:

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG:

TÊN CỔ ĐÔNG:

Phụ lục 2. Mẫu Phiếu biểu quyết

(Đính kèm Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

Ngày 26/04/2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần.

Sau khi nghiên cứu nội dung các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar), Tôi có ý kiến biểu quyết từng vấn đề như sau:

Stt	Nội dung biểu quyết (Đánh dấu X vào ô tương ứng)	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Nội dung 1:	☐	☐	☐
2	Nội dung 2:	☐	☐	☐
3	Nội dung 3:	☐	☐	☐
4	Nội dung 4:	☐	☐	☐
5	Nội dung 5:	☐	☐	☐
6	Nội dung 6:	☐	☐	☐
7	Nội dung 7:	☐	☐	☐

**Cổ đông/đại diện được ủy quyền
Ký và ghi rõ họ tên**

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)

I. HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

Tập thể đội ngũ Bidiphar đã tiếp tục có một năm thành công với các nỗ lực vượt trội để có được kết quả ổn định trong năm 2024 vừa qua, mặc dù có nhiều thách thức cả bên trong lẫn bên ngoài (cạnh tranh trên thị trường gia tăng, phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, tác động của các quy định quản lý nhà nước, sự không ổn định về nguồn nhân lực nội bộ, sự tăng nhanh chi phí và giá thành,...). Công ty đã hoàn thành 91% kế hoạch doanh thu năm 2024 và 102% kế hoạch lợi nhuận, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, mang lại lợi ích cao cho các cổ đông, tập thể người lao động và xã hội.

1. Bối cảnh hoạt động năm 2024

Đối với các Công ty dược phẩm Việt Nam, trong năm 2024 đối mặt với nhiều thách thức bên cạnh những cơ hội:

1.1. Thách thức:

- Phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu: Khoảng 90% nguyên liệu sản xuất dược phẩm phải nhập khẩu, chủ yếu từ Ấn Độ và Trung Quốc, khiến ngành dễ bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá và nguồn cung.
- Cạnh tranh gia tăng: Sự xuất hiện của các chuỗi nhà thuốc hiện đại tạo áp lực cạnh tranh lớn đối với các nhà thuốc truyền thống, đòi hỏi doanh nghiệp phải liên tục đổi mới để giữ vững thị phần.

1.2. Cơ hội:

- Dân số và nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng cao: Với dân số trên 100 triệu người và tốc độ già hóa nhanh, nhu cầu sử dụng dược phẩm ngày càng tăng, tạo điều kiện cho ngành phát triển.
- Chính sách hỗ trợ từ Chính phủ: Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 đặt mục tiêu tăng cường tự chủ, làm chủ công nghệ và đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm giá trị cao trong khu vực.
- Hiệp định thương mại tự do (FTA): Các FTA thế hệ mới như EVFTA giúp doanh nghiệp dược phẩm mở rộng thị trường xuất khẩu, tiếp cận công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, hướng tới sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế như EU-GMP.

2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024:

Stt	Số Văn bản	Ngày	Nội dung
1	01/BB-ĐHĐCĐ	27/04/2024	Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
2	749/NQ-ĐHĐCĐ	27/04/2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

Hội đồng quản trị (HĐQT) đã nỗ lực triển khai các công việc được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 thông qua như sau:

1) *Đầu tư Dự án Nhà máy OSD Non-Betalactam*

HĐQT đang chỉ đạo Ban điều hành tính toán chi tiết để lập báo cáo tiền khả thi cho Dự án Nhà máy OSD Non-Betalactam trước khi thực hiện các công việc tiếp theo.

2) *Hoàn thành phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 25%/vốn điều lệ.*

3) *Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động*

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phê duyệt Phương án phát hành sửa đổi, bổ sung so với Phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua. Sau khi được thông qua, HĐQT sẽ thực hiện và hoàn tất các thủ tục phát hành cổ phiếu trong năm 2025.

4) *Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư*

HĐQT đang làm việc với các nhà đầu tư quan tâm đến việc mua cổ phiếu riêng lẻ của Công ty, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có nhà đầu tư nào tiến hành các hoạt động để mua cổ phiếu riêng lẻ của Công ty trên thực tế.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua: tiếp tục thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với nội dung chi tiết theo Tờ trình số 43/TTr-ĐHĐCĐ2025 ngày 03/04/2025.

3. Báo cáo về hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

- Hội đồng quản trị Công ty được duy trì với 07 thành viên, trong đó cơ cấu thành viên HĐQT độc lập có 02 thành viên, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT hoạt động hiệu quả bằng cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn cao về quản trị và công bố thông tin minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động của doanh nghiệp:
 - + HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp trong năm 2024, theo đúng các trình tự, thủ tục quy định pháp luật, các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty
 - + HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản thông qua các nền tảng online.
 - + Thông qua các cuộc họp và lấy ý kiến biểu quyết, HĐQT đã ban hành các biên bản/nghị quyết/quyết định thực hiện các quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

(Chi tiết về các cuộc họp và nghị quyết/quyết định của HĐQT trong năm 2024 vui lòng xem tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 được đăng tải tại:

<https://bidiphar.com/bao-cai-quan-tri-cong-ty-nam-2024/>)

- Đối với việc đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông và tăng cường sự tham gia hiệu quả và cân bằng lợi ích của các bên liên quan: HĐQT đã thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các giao dịch nội bộ và bên có liên quan một cách hiệu quả bằng việc ban hành Quy định về kiểm soát giao dịch với người có liên quan vào ngày 14/09/2024. Quy định này được thiết lập và thực thi một cách cẩn trọng, đảm bảo sự tuân thủ đúng theo quy định pháp luật và các nguyên tắc minh bạch. Bằng cách này, Công ty luôn đảm bảo sự minh bạch trong các giao dịch, tránh xung đột lợi ích, tạo dựng một môi trường hoạt động đáng tin cậy và ổn định, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững và hài hòa cho tất cả các bên liên quan.
- HĐQT luôn đẩy mạnh việc phát triển văn hóa doanh nghiệp hướng đến sự phát triển bền vững và xây dựng hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ vào là một trong những mục tiêu quan trọng của Công ty.
- Về hoạt động của các Ủy ban/Tiểu ban trực thuộc HĐQT: nhìn chung, Ủy ban Kiểm toán và các Tiểu ban trực thuộc HĐQT của Bidiphar được HĐQT đánh giá là hoạt động tốt trong năm 2024 trong việc tham mưu, xây dựng, góp ý, giám sát triển khai các bản kế hoạch kinh doanh và vận hành của Công ty. Các ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh - vận hành được ghi nhận và lập kế hoạch thực hiện trong năm 2024.

4. Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2024

Chi tiết vui lòng xem trong Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập HĐQT.

5. Thù lao, lương, phụ cấp năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban điều hành

Xem chi tiết trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty Ernst & Young Việt Nam.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thu nhập năm 2023 (ĐVT: đồng)	Thu nhập năm 2024 (ĐVT: đồng)
1	Tạ Nam Bình	Chủ tịch HĐQT	610.000.000	650.000.000
2	Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT/TGĐ	3.285.240.000	3.872.050.000
3	Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT/Phó TGĐ	2.367.147.500	3.146.191.596
4	Nguyễn Tiên Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	560.000.000	750.000.000
5	Trương Thanh Liêm	Thành viên HĐQT không điều hành	818.200.000	1.383.165.000
6	Nguyễn Thị Minh Giang	Thành viên HĐQT độc lập (từ 27/04/2024)	0	0
7	Phan Tấn Thư	Thành viên HĐQT độc lập (từ 27/04/2024)	0	30.000.000
8	Hoàng Văn Thắng	Thành viên HĐQT độc lập (đến 27/04/2024)	615.000.000	580.000.000
9	Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT không điều hành (đến 27/04/2024)	560.000.000	550.000.000

Stt	Thành viên Ban TGĐ	Chức vụ	Thu nhập năm 2023 (ĐVT: đồng)	Thu nhập năm 2024 (ĐVT: đồng)
1	Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Như trên	Như trên
2	Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Như trên	Như trên
3	Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc	2.380.277.500	2.842.700.000
4	Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	1.692.595.000	2.270.030.000

Stt	Thành viên UBKT	Chức vụ	Thu nhập năm 2023 (ĐVT: đồng)	Thu nhập năm 2024 (ĐVT: đồng)
1	Nguyễn Thị Minh Giang	Chủ tịch (từ ngày 27/04/2024)	Như trên	Như trên
2	Phan Tấn Thư	Thành viên (từ ngày 27/04/2024)	Như trên	Như trên
3	Tạ Nam Bình	Chủ tịch (đến ngày 27/04/2024)	Như trên	Như trên
4	Hoàng Văn Thắng	Thành viên (đến ngày 27/04/2024)	Như trên	Như trên

6. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

Căn cứ Điều lệ công ty và quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất - kinh doanh và triển khai các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT trong năm 2024:

- Các thành viên HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành và trao đổi thường xuyên với Ban điều hành. Qua đó, Hội đồng quản trị nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, các quyết định, hoạt động quản lý, điều hành của Ban điều hành và Hội đồng quản trị có sự phối hợp rất tốt nhằm đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để vượt qua những thách thức của thị trường và doanh nghiệp để đạt được những kết quả tốt nhất cho kinh doanh.
- Ngoài ra, các Ủy ban/Tiểu ban của HĐQT đã tổ chức các cuộc họp, tư vấn và phản biện, trao đổi làm việc chuyên môn với Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành về những nội dung phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban điều hành, đồng thời qua đó đánh giá về tình hình hoạt động của Công ty ở các lĩnh vực khác nhau (Chi tiết về hoạt động của các Ủy ban/Tiểu ban của HĐQT vui lòng xem tại Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty).
- HĐQT giám sát chặt chẽ Tổng Giám đốc, Ban điều hành trong công tác quản trị công ty, quản lý rủi ro trong kinh doanh và tài chính, đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Nhà nước.
- Nhìn chung, HĐQT ghi nhận Tổng Giám đốc - Ban điều hành và toàn thể CBNV Công ty đã nỗ lực không ngừng, thành công vượt qua những khó khăn, thách thức của thị trường trong năm 2024 và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

II. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH/KH (%)	Thực hiện 2023	%Thực hiện 2024/2023
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	936	936	100%	748	125%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.000	1.817	91%	1.732	105%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	320	325	102%	320	102%
4	Tỷ lệ cổ tức (bằng tiền hoặc cổ phiếu)	%	Tối thiểu 20% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu	Đề xuất: 20% bằng cổ phiếu	100%	25% bằng cổ phiếu	80%

Bidiphar đã nỗ lực để đạt mức tăng trưởng doanh thu 5% so với cùng kỳ và đạt 91% kế hoạch năm 2024. Đồng thời, công ty cũng đã cố gắng đạt mức tăng trưởng 2% về lợi nhuận.

Cổ tức năm 2024: Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỉ lệ 20% cho năm 2024 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán. Chi tiết phương án theo Tờ trình số 41/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025 ngày 03/04/2025 về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.

2. Đánh giá các hoạt động trong năm 2024

2.1. Hoạt động kinh doanh

Doanh thu toàn Công ty đạt 91% so với kế hoạch nhưng tăng trưởng 5% so với năm 2023. Doanh thu dược phẩm do Công ty sản xuất là 1.817 tỷ, tăng trưởng 6% so với năm 2023. Doanh thu kinh doanh trang thiết bị y tế là 08 tỷ, tiếp tục giảm 59% so với năm 2023. Doanh thu Kênh bệnh viện trong năm 2024 đạt 1.063 tỷ, tăng trưởng 9% so với năm 2023. Doanh thu Kênh nhà thuốc trong năm 2024 đạt 631 tỷ, tăng trưởng 1% so với năm 2023, sự tăng trưởng chậm này vì hoạt động phát triển khách hàng Kênh OTC ngày càng khó khăn với sự phát triển của **Chuỗi nhà thuốc** và ảnh hưởng của các chính sách về thuế và pháp lý đối với Cơ sở bán lẻ.

Trong năm 2024, Công ty tập trung hoàn thiện hệ thống phân phối và phát triển khách hàng:

- Tập trung mở rộng các khách hàng bệnh viện.
- Tăng cường hợp tác với các Chuỗi Nhà thuốc và các công ty phân phối. Tuy nhiên các hoạt động hợp tác này mới chỉ đang ở bước đầu và cần đẩy mạnh hơn nữa trong thời gian tới để phát triển doanh thu Kênh nhà thuốc.

2.2. Hoạt động sản xuất

Năm 2024, giá vốn hàng bán tăng khoảng 5% so với năm 2023, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty luôn tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm và nâng cao năng lực sản xuất phù hợp với năng lực kinh doanh.

2.3. Hoạt động hỗ trợ

Công ty tập trung nâng cao năng lực của hệ thống hỗ trợ đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh trong năm 2024 như sau:

- Hoàn thành khung văn bản quản trị toàn Công ty và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị trong năm 2024.
- Hoạt động xây dựng và quản lý kế hoạch sản lượng, quản lý tồn kho từng bước được chuẩn hóa, chuẩn bị cho việc thành lập Chuỗi cung ứng vào năm 2026.
- Thống nhất 19 file dữ liệu dùng chung cho các bộ phận, chia sẻ cho nhân sự liên quan để thực hiện các công việc.

2.4. Hoạt động đầu tư các Nhà máy sản xuất dược phẩm

a. Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ với tổng vốn đầu tư là 840 tỷ đồng. Hiện nay Dự án đang trong quá trình xây dựng và mua sắm, lắp đặt thiết bị, dự kiến hoàn thành trong năm 2026-2027.

b. Nhà máy sản xuất Thuốc điều trị ung thư

Nhà máy sản xuất Thuốc điều trị ung thư có 02 Dây chuyền sản xuất là Dây chuyền thuốc tiêm và Dây chuyền thuốc viên. Công ty đã hoàn thành xây dựng và mua sắm, lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Dây chuyền thuốc tiêm: Đã đạt chứng nhận GMP-WHO. Công ty vẫn đang trong quá trình nâng cấp Dây chuyền để đạt tiêu chuẩn GMP-EU, dự kiến hoàn thành trong năm 2028-2029.
- Dây chuyền thuốc viên: Đã đạt chứng nhận GMP-WHO. Công ty đang trong quá trình nộp Hồ sơ đăng ký cho các sản phẩm sản xuất trên Dây chuyền này, năm 2024 đã nộp 04 hồ sơ và sẽ tiếp tục thực hiện trong các năm tiếp theo.

2.5. Các hoạt động khác

- Tổ chức cơ sở Đảng: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao
- Tổ chức Công đoàn cơ sở: hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Tổ chức Đoàn thanh niên: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

2.6. Hoạt động xã hội

Năm 2024, Bidiphar được UBND tỉnh Bình Định trao tặng Bằng khen vì những đóng góp xuất sắc trong công tác từ thiện nhân đạo.

Theo Quyết định, Bidiphar được đánh giá cao vì đã có những đóng góp to lớn trong việc phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh giai đoạn 2014 – 2024. Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Bidiphar luôn đặt công tác đền ơn – đáp nghĩa, an sinh xã hội, và hoạt động từ thiện lên hàng đầu. Hàng năm, công ty dành từ 2 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng cho các hoạt động CSR.

Một số chương trình nổi bật do Bidiphar thực hiện đã để lại dấu ấn sâu đậm tại các địa phương và đối với những hộ gia đình khó khăn như sau:

- Đóng góp các loại Quỹ mái ấm công đoàn, Quỹ vì người nghèo, Quỹ phòng chống thiên tai;
- Hỗ trợ Hội bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bình Định; Trung tâm công tác xã hội và Bảo trợ xã hội Bình định;
- Hỗ trợ xây nhà Đại đoàn kết; Ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Bắc;
- Triển khai thăm tặng quà cho gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7;
- Tặng hàng trăm phần quà Tết đến bà con có hoàn cảnh khó khăn tại xã Đắc Mang, huyện Hoài Ân, xã An Dũng, Huyện An Lão; Tổng kinh phí thực hiện : 2,5 tỷ đồng.

2.7. 10 sự kiện nổi bật của Công ty trong năm 2024

- 1) Đạt được nhiều Giải thưởng/Chứng nhận quan trọng: Top 4 Công ty Dược Việt Nam uy tín; Top 50 Doanh nghiệp niêm yết; Giải thưởng sao vàng Đất Việt; Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á.
- 2) Đạt chứng nhận Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ. Hoàn thành 08 đề tài nghiên cứu không sử dụng ngân sách nhà nước được tỉnh công nhận.
- 3) Hoàn thành KH kinh doanh với Doanh thu: 1817 tỷ đồng, Lợi nhuận: 325 tỷ đồng
- 4) Hoạt động MKT dần đi vào chuyên nghiệp: Triển khai PGM Nhà thuốc, Chương trình Hội nghị khách hàng OTC kèm bán hàng trước và trong Hội nghị. Hoạt động truyền thông qua mạng xã hội tăng trưởng cao về số lượt truy cập. Các hoạt động khuyến mại được triển khai kịp thời, đáp ứng nhu cầu từng thị trường.

- 5) Top 6 Công ty Dược -TTBYT có môi trường làm việc tốt nhất. Trong năm 2024 tích cực triển khai nhiều hoạt động truyền thông thu hút được sự tham gia của >70% CBVNV.
- 6) Hoàn thiện dự thảo Chiến lược CNTT giai đoạn 2025-2027 làm tiền đề cho hoạt động Chuyển đổi số toàn Công ty.
- 7) Hoạt động quản lý công nợ có nhiều cải thiện. Đã ban hành Quy định về quản lý công nợ, tỷ lệ nợ quá hạn khối KD năm 2024 giảm 5% so với năm 2023. Một số khoản nợ xấu đã được kiểm soát và bước đầu có các dấu hiệu thu hồi tốt.
- 8) Hoạt động quản trị tiếp tục được cải tiến, đã cơ bản hoàn thành khung văn bản quản trị toàn Công ty, xây dựng và ban hành hơn 20 văn bản quan trọng, thiết lập 19 hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, phân tích dữ liệu phục vụ quản trị điều hành.
- 9) Hoạt động giao hàng có nhiều tiến bộ, đã kiểm soát, phân tích các dữ liệu liên quan đến vận chuyển giao hàng. Đã xây dựng tuyến giao hàng phù hợp với tuyến bán hàng.
- 10) Tổ chức thành công Hội nghị khối kinh doanh năm 2025 tại Quy Nhơn kết hợp teambuilding và đào tạo với nhiều nội dung mới và hấp dẫn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH
Thời gian ký:
03.04.2025
09:47:20 +07:00

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO
CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)

1. Danh sách thành viên độc lập Hội đồng quản trị (“HĐQT”)

Tại ngày báo cáo, cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) có 02 thành viên độc lập (chiếm 28% số lượng thành viên HĐQT), phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/7/2020 đồng thời cũng phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.

Danh sách thành viên độc lập HĐQT như sau:

- Bà Nguyễn Thị Minh Giang: Thành viên HĐQT – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (UBKT)
- Ông Phan Tấn Thư: Thành viên HĐQT – Thành viên UBKT.

2. Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT trong UBKT

2.1. Đánh giá về hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong năm tài chính 2024 trên các phương diện cụ thể như sau:

• **Công tác báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của DBD:**

- Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo tài chính được lập phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của Bidiphar.
- Các nghị quyết, quyết định được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền và tuân thủ chế độ công bố thông tin đối với công ty niêm yết.
- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.
- Năm 2024, Bidiphar đã triển khai quyết liệt các định hướng chiến lược được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Mặc dù tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn của ngành dược Việt Nam là cao, các chính sách mới trong năm vừa qua đã có ảnh hưởng ngắn hạn đến Bidiphar: trong kênh nhà thuốc, một số nhà thuốc truyền thống phải sắp xếp lại hoạt động kinh doanh để thỏa mãn các yêu cầu pháp lý và yêu cầu hoạt động khắt khe hơn; trong kênh bệnh viện, việc các sổ đăng ký được cấp nhanh chóng sau một thời gian dài



bị trì hoãn cũng làm tăng tính cạnh tranh. Trong bối cảnh đó, kết quả tài chính mà công ty đã đạt được là tích cực: Doanh thu đạt 1.817 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế đạt 325 tỷ, lần lượt đạt 91% và 102% kế hoạch được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua.

• **Tuân thủ quy định tổ chức các cuộc họp HĐQT:**

- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2024 đã tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các thông lệ chuẩn mực về quản trị công ty. Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với Quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.
- Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan nhằm đảm bảo cao nhất lợi ích của Công ty.
- HĐQT đã đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời để hỗ trợ Ban điều hành trong quá trình vận hành công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

• **Hoạt động giám sát đối với Ban điều hành:**

- HĐQT đã thực hiện giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong việc: tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bidiphar, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Bidiphar nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động của Ban điều hành trong điều hành công việc kinh doanh thường xuyên. Đồng thời, HĐQT luôn yêu cầu và đề cao tính chủ động và trách nhiệm của Ban điều hành trong việc điều hành công việc kinh doanh.
- Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Thành viên HĐQT giữ chức danh trong Ban điều hành thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban điều hành. Các quyết định quan trọng của Ban điều hành đều được phân tích, phân biện và tham vấn từ HĐQT nhằm bảo đảm lợi ích của Công ty.

• **Hệ thống kiểm soát nội bộ của Bidiphar:**

- Thành viên độc lập HĐQT đã nhận diện các quy định pháp luật thay đổi có liên quan đến hoạt động của thành viên HĐQT, UBKT và kiểm toán nội bộ; tư vấn cho HĐQT cách thức tổ chức phù hợp với quy định pháp luật mới, thông lệ thị trường và nhu cầu của Bidiphar.
- Thực hiện các khuyến nghị của HĐQT và UBKT, Ban điều hành đã từng bước thực hiện rà soát, bổ sung và ban hành mới các văn bản, bao gồm rà soát quy chế tổ chức và hoạt động các phòng ban chuyên môn, các quy định, quy trình liên quan tới hoạt động vận hành, nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Đồng thời, Ban điều hành

cũng thường xuyên bám sát thị trường để điều hành hoạt động kinh doanh phù hợp với các rủi ro khách quan.

- **Giao dịch giữa người nội bộ Bidiphar, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Bidiphar nắm quyền kiểm soát:**
 - Bidiphar đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh Giao dịch giữa người nội bộ Bidiphar, người có liên quan của người nội bộ với Bidiphar, công ty con, công ty do Bidiphar nắm quyền kiểm soát. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán ("UBKT")

Căn cứ quy định của pháp luật và đảm bảo tính tuân thủ, HĐQT đã thông qua:

- **Các cuộc họp, kết luận và kiến nghị của UBKT:**
 - UBKT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để định hướng, tham vấn, giám sát cho Ban KTNB trong việc thực hiện công tác kiểm toán nội bộ tại Công ty. UBKT đã chỉ đạo Ban KTNB về Kế hoạch KTNB năm 2024 và 2025, chương trình hành động và các vấn đề chuyên môn khác.
 - Các kết luận và khuyến nghị của UBKT (trên cơ sở các kết quả kiểm toán cụ thể của Ban KTNB) đã được gửi tới HĐQT và Ban điều hành để xem xét triển khai thực hiện, đồng thời có giải pháp hạn chế rủi ro.
- **Phối hợp hoạt động giữa UBKT và HĐQT, TGD:**
 - UBKT chủ động phối hợp với HĐQT, TGD trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong đó tuân thủ theo quy định tại quy chế UBKT đã được ban hành.
- **Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT:**
 - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT tuân thủ đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Bidiphar. Thông tin chi tiết được trình bày tại Báo cáo tài chính của Bidiphar cho năm 2024.

3. Kiến nghị của thành viên độc lập HĐQT

- **Ủy ban kiểm toán kiến nghị:**
 - Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn danh sách đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 theo đề xuất của Ủy ban kiểm toán và Hội đồng quản trị.
- **Đồng thời, các thành viên độc lập HĐQT đề xuất một số kiến nghị về công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban điều hành như sau:**
 - Thường xuyên cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản nội bộ, quy trình hoạt động của các bộ phận nhằm chuẩn hóa hoạt động, nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ.
 - Thường xuyên thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty nhằm rà soát, hạn chế các rủi ro trong quá trình sản xuất, vận hành, kinh doanh.
 - Ban điều hành tiếp tục nâng cao chất lượng báo cáo quản trị để hỗ trợ cho quá trình ra quyết định của HĐQT.

- Tăng cường các cuộc họp giữa thành viên độc lập HĐQT với HĐQT, Ban điều hành để nâng cao vai trò phản biện của thành viên độc lập HĐQT, tăng tính giám sát và giảm thiểu rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động của Bidiphar, tích cực trao đổi thông tin thông qua các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp giao ban của Ban điều hành, các cuộc họp khác (khi cần thiết) để các thành viên bám sát tình hình kinh doanh và tài chính của Bidiphar.
- HĐQT và Ban điều hành cần triển khai quyết liệt định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2022 – 2026, trong đó các định hướng trọng tâm như: nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác kiểm tra giám sát chất lượng, triển khai các giải pháp quyết liệt và đồng bộ để đạt mục tiêu nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP EU, triển khai xây dựng các nhà máy mới chất lượng, đúng tiến độ đề ra và triển khai xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống kênh phân phối tối ưu phù hợp với đặc thù ngành nghề kinh doanh.
- Tập trung công tác nghiên cứu chuyên sâu các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trên thị trường, tăng cường đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và quy hoạch nguồn nhân lực kế cận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**
Số: 37/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

V/v thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST&YOUNG Việt Nam

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt toàn văn của Báo cáo tài chính riêng năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST&YOUNG Việt Nam (đính kèm Tờ trình này và đã được công bố trên website Công ty, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và các phương tiện thông tin đại chúng khác).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH
Thời gian ký:
03.04.2025
09:48:53 +07:00

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế
Bình Định (BIDIPHAR)**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 40

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần 2 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 12 ngày 4 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười bảy (17) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên	
Ông Trương Thanh Liêm	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Thanh Hương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang Thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. *na*

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 12315209/67742120-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2023-004-1

Ngô Đức Nhật
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5627-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.476.280.617.777	1.260.686.049.632
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	314.198.731.825	87.837.172.191
111	1. Tiền		58.698.731.825	42.837.172.191
112	2. Các khoản tương đương tiền		257.500.000.000	45.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		124.421.158.600	221.194.519.950
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.393.300	1.393.300
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	124.419.765.300	221.193.126.650
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		520.222.627.983	452.185.611.037
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	504.877.324.434	499.325.523.670
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	76.498.728.383	15.550.258.465
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.918.534.026	6.688.612.776
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(68.071.958.860)	(69.378.783.874)
140	IV. Hàng tồn kho	9	505.380.962.218	487.852.855.794
141	1. Hàng tồn kho		532.336.906.627	498.362.970.942
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(26.955.944.409)	(10.510.115.148)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.057.137.151	11.615.890.660
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	8.653.554.344	9.541.666.385
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.895.670.328	1.920.443.670
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.507.912.479	153.780.605
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		787.925.914.939	728.223.255.164
220	I. Tài sản cố định		337.549.679.184	357.305.746.063
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	280.725.745.444	299.105.881.972
222	Nguyên giá		810.661.849.768	780.662.733.405
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(529.936.104.324)	(481.556.851.433)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	56.823.933.740	58.199.864.091
228	Nguyên giá		76.110.993.392	75.825.743.392
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.287.059.652)	(17.625.879.301)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		233.459.463.621	162.760.946.527
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	233.459.463.621	162.760.946.527
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	164.241.726.585	163.527.992.179
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		162.728.191.614	160.014.457.208
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.513.534.971	3.513.534.971
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.000.000.000)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		52.675.045.549	44.628.570.395
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	39.382.942.604	36.659.399.358
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	13.292.102.945	7.969.171.037
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.264.206.532.716	1.988.909.304.796

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		603.065.716.999	556.067.765.007
310	I. Nợ ngắn hạn		460.154.613.654	417.989.445.788
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	160.802.900.081	125.403.585.498
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	15.976.752.341	9.406.791.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	27.372.531.041	29.006.327.563
314	4. Phải trả người lao động		78.337.451.082	86.393.738.206
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	19.823.557.873	33.519.291.196
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	8.681.086.654	13.400.913.876
320	7. Vay ngắn hạn	19	35.913.500.637	35.267.119.497
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	113.246.833.945	85.591.678.380
330	II. Nợ dài hạn		142.911.103.345	138.078.319.219
338	1. Vay dài hạn	19	28.000.000.000	44.000.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.11	7.267.083.725	6.652.220.099
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	107.644.019.620	87.426.099.120
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.661.140.815.717	1.432.841.539.789
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	1.658.732.981.612	1.428.562.388.336
411	1. Vốn cổ phần		935.938.470.000	748.835.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		935.938.470.000	748.835.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.921.442.000	20.921.442.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.952.796.558)	(1.952.796.558)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		4.790.551.103	8.195.890.640
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		201.686.964.998	174.168.770.079
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		497.348.350.069	478.393.492.175
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		288.210.068.687	273.911.790.637
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		209.138.281.382	204.481.701.538
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	23	2.407.834.105	4.279.151.453
431	1. Nguồn kinh phí		38.936.237	988.645.822
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		2.368.897.868	3.290.505.631
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.264.206.532.716	1.988.909.304.796



Phạm Thị Thanh May
Người lập



Đỗ Huy Phương
Kế toán trưởng



Tên: Bình Định, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.817.259.164.083	1.731.725.782.465
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(89.710.776.512)	(79.956.203.506)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.727.548.387.571	1.651.769.578.959
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(894.975.138.716)	(853.249.521.398)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		832.573.248.855	798.520.057.561
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	13.359.148.358	14.239.581.472
22	7. Chi phí tài chính	27	(16.928.510.396)	(17.891.582.754)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.058.137.920)	(6.998.419.238)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	14.1	27.063.089.931	28.704.019.669
25	9. Chi phí bán hàng	26	(404.195.096.035)	(375.562.332.884)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(122.785.668.843)	(125.976.158.264)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		329.086.211.870	322.033.584.800
31	12. Thu nhập khác		1.077.222.036	774.352.098
32	13. Chi phí khác		(5.027.909.575)	(2.721.576.613)
40	14. Lỗ khác		(3.950.687.539)	(1.947.224.515)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		325.135.524.331	320.086.360.285
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(55.276.507.052)	(54.408.081.256)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	5.322.931.908	3.376.591.417
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		275.181.949.187	269.054.870.446

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		275.181.949.187	269.054.870.446
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.5	2.530	2.473
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.5	2.530	2.473

Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Thanh May
Người lập

Đỗ Huy Phương
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		325.135.524.331	320.086.360.285
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		48.112.079.145	45.969.672.283
03	Dự phòng		17.753.867.873	7.428.568.871
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		245.498.185	96.663.576
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(38.668.096.477)	(40.339.154.582)
06	Chi phí lãi vay	27	4.058.137.920	6.998.419.238
07	Điều chỉnh khác		23.237.816.553	23.922.700.153
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		379.874.827.530	364.163.229.824
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(16.554.126.145)	72.230.689.567
10	Tăng hàng tồn kho		(33.973.935.685)	(48.017.532.399)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		11.570.263.662	(28.608.488.654)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.835.431.205)	(4.885.858.734)
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.190.082.920)	(7.165.652.238)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(63.607.032.235)	(38.168.411.646)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.474.736.062	146.940.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.028.940.537)	(27.338.566.215)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		264.730.278.527	282.356.349.505
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(148.745.141.676)	(133.693.568.807)
23	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng		(109.956.292.800)	(167.729.654.150)
24	Thu tiền gửi có kỳ hạn		224.593.126.650	185.789.250.637
27	Lãi tiền gửi và cổ tức đã nhận		11.124.335.085	12.032.677.443
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(22.983.972.741)	(103.601.294.877)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	60.379.701.637	216.777.875.586
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(75.733.320.497)	(213.510.556.089)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(9.933.200)	(149.698.254.425)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.363.552.060)	(146.431.134.928)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		226.382.753.726	32.323.919.700
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		87.837.172.191	55.562.451.250
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(21.194.092)	(49.198.759)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	314.198.731.825	87.837.172.191

Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Thanh May
Người lập

Đỗ Huy Phương
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần 2 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 12 ngày 4 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 488 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười bảy (17) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.368 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.303 người).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty bao gồm hai (2) công ty con và một (1) công ty liên kết. Chi tiết trình bày như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Số đầu năm và số cuối năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty con				
(1) Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Tỉnh Bình Định	Bán buôn và bán lẻ thuốc tân dược, dược liệu, vật tư y tế	100,00	100,00
(2) Công ty TNHH MTV Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Tỉnh Bình Định	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	100,00	100,00
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Tỉnh Bình Định	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su	33,58	33,58

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu; công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và hàng tồn kho khác dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được ghi tăng nguyên giá của TSCĐ hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 43 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	4 - 10 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.12 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này ghi nhận quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho nhân viên và quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty, và được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên. Quỹ này được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.22 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế trong một khu vực địa lý. Do đó, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.496.871.788	1.289.622.140
Tiền gửi ngân hàng	55.201.860.037	41.547.550.051
Tương đương tiền (*)	257.500.000.000	45.000.000.000
TỔNG CỘNG	314.198.731.825	87.837.172.191

(*) Tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và được hưởng lãi suất áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	45.131.856.249	45.131.856.249
Khác	459.745.468.185	454.193.667.421
TỔNG CỘNG	504.877.324.434	499.325.523.670
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 8)	(64.418.817.801)	(65.223.642.815)
GIÁ TRỊ THUẬN	440.458.506.633	434.101.880.855

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Toffion Science and Technology Group Company Limited	36.272.301.000	1.658.180.000
Truking Technology Limited	12.995.308.236	267.850.200
Jiangsu Medwell Medical Equipment Company Limited	2.715.998.299	1.780.456.695
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	1.091.279.592	1.091.279.592
Công ty TNHH Ha Food VN	-	2.204.156.248
Khác	23.423.843.256	8.548.335.730
TỔNG CỘNG	76.498.728.383	15.550.258.465
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 8)	(1.371.279.592)	(1.873.279.592)
GIÁ TRỊ THUẬN	75.127.448.791	13.676.978.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi dự thu	2.468.562.327	1.987.890.866
Tạm ứng nhân viên	932.928.777	1.371.169.088
Khác	3.517.042.922	3.329.552.822
TỔNG CỘNG	6.918.534.026	6.688.612.776
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 8)	(2.281.861.467)	(2.281.861.467)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.636.672.559	4.406.751.309

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

8.1 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(69.378.783.874)	(71.386.293.175)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(4.571.999.735)	(5.930.653.605)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	5.878.824.749	7.938.162.906
Số cuối năm	(68.071.958.860)	(69.378.783.874)

8.2 Nợ quá hạn

	VND			
	Đối tượng			Tổng cộng
	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	Công ty TNHH Kiến Tạo	Khách hàng khác	
Số cuối năm				
Giá gốc	46.986.723.841	12.339.449.445	13.983.805.762	73.309.979.048
Dự phòng	(46.986.723.841)	(12.339.449.445)	(8.745.785.574)	(68.071.958.860)
Giá trị thuần	-	-	5.238.020.188	5.238.020.188
Số đầu năm				
Giá gốc	46.986.723.841	13.139.449.445	24.749.014.846	84.875.188.132
Dự phòng	(46.986.723.841)	(9.197.614.612)	(13.194.445.421)	(69.378.783.874)
Giá trị thuần	-	3.941.834.833	11.554.569.425	15.496.404.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	269.060.649.045	(21.907.801.829)	303.943.447.795	(3.598.086.214)
Thành phẩm	184.478.440.062	(3.124.185.961)	162.694.724.378	(4.097.331.411)
Hàng mua đang đi đường	40.395.223.790	-	7.732.059.545	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.947.218.521	-	16.738.489.192	-
Hàng hóa	7.777.021.040	(1.923.956.619)	5.341.907.605	(2.814.697.523)
Công cụ, dụng cụ	1.678.354.169	-	1.912.342.427	-
TỔNG CỘNG	532.336.906.627	(26.955.944.409)	498.362.970.942	(10.510.115.148)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(10.510.115.148)	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(20.564.518.416)	(10.510.115.148)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	4.118.689.155	-
Số cuối năm	(26.955.944.409)	(10.510.115.148)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	8.653.554.344	9.541.666.385
Chi phí bảo trì và sửa chữa	4.016.797.382	4.165.666.576
Công cụ, dụng cụ	2.538.609.158	3.812.443.872
Chi phí thuê	240.000.000	401.150.000
Khác	1.858.147.824	1.162.405.937
Dài hạn	39.382.942.604	36.659.399.358
Chi phí thuê đất (*)	30.248.346.672	30.783.712.544
Chi phí bảo trì và sửa chữa	5.034.904.647	2.481.910.355
Công cụ, dụng cụ	3.222.178.615	2.059.365.691
Khác	877.512.670	1.334.410.768
TỔNG CỘNG	48.036.496.948	46.201.065.743

(*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội với thời hạn thuê đến ngày 17 tháng 6 năm 2066 và đến ngày 31 tháng 7 năm 2069.

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	220.742.995.716	494.801.106.947	47.024.008.702	18.094.622.040	780.662.733.405
Mua mới trong năm	2.190.160.487	7.719.221.032	-	15.569.113	9.924.950.632
Xây dựng cơ bản dở dang					
hoàn thành	9.606.130.446	6.788.412.621	4.028.116.332	1.426.839.498	21.849.498.897
Thanh lý		(1.698.333.166)	-	(77.000.000)	(1.775.333.166)
Số cuối năm	232.539.286.649	507.610.407.434	51.052.125.034	19.460.030.651	810.661.849.768
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	34.640.017.775	249.639.178.233	32.101.939.664	13.739.463.452	330.120.599.124
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	123.121.100.838	305.058.762.314	37.584.110.022	15.792.878.259	481.556.851.433
Khấu hao trong năm	15.702.982.112	30.916.282.251	2.364.579.906	1.170.741.788	50.154.586.057
Thanh lý	-	(1.698.333.166)	-	(77.000.000)	(1.775.333.166)
Số cuối năm	138.824.082.950	334.276.711.399	39.948.689.928	16.886.620.047	529.936.104.324
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	97.621.894.878	189.742.344.633	9.439.898.680	2.301.743.781	299.105.881.972
Số cuối năm	93.715.203.699	173.333.696.035	11.103.435.106	2.573.410.604	280.725.745.444
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	54.914.457.656	104.163.657.791	606.655.293	677.733.680	160.362.504.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	56.767.881.650	19.057.861.742	75.825.743.392
Mua mới trong năm	-	285.250.000	285.250.000
Số cuối năm	56.767.881.650	19.343.111.742	76.110.993.392
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	11.769.065.800	11.769.065.800
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	2.702.794.182	14.923.085.119	17.625.879.301
Hao mòn trong năm	228.189.055	1.432.991.296	1.661.180.351
Số cuối năm	2.930.983.237	16.356.076.415	19.287.059.652
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	54.065.087.468	4.134.776.623	58.199.864.091
Số cuối năm	53.836.898.413	2.987.035.327	56.823.933.740

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất của văn phòng tại các chi nhánh.

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao	158.721.743.664	89.257.049.646
Dây chuyền thuốc tiêm bột	28.689.372.308	28.578.533.644
Văn phòng Chi nhánh Hồ Chí Minh	24.924.000.000	24.924.000.000
Cửa hàng trưng bày thiết bị y tế	-	6.417.855.546
Dự án trồng cây dược liệu	675.840.234	537.228.734
Khác	20.448.507.415	13.046.278.957
TỔNG CỘNG	233.459.463.621	162.760.946.527

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh (TM) số 14.1)	162.728.191.614	160.014.457.208
Đầu tư vào các đơn vị khác (TM số 14.2)	3.513.534.971	3.513.534.971
TỔNG CỘNG	166.241.726.585	163.527.992.179
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.000.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	164.241.726.585	163.527.992.179

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số đầu năm và số cuối năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Khai thác, chế biến mủ cao su	33,58	<u>92.868.048.000</u>

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

VND
Số tiền

Giá gốc đầu tư:

Số đầu năm và số cuối năm 92.868.048.000

Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	67.146.409.208
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	27.063.089.931
Khác	(3.080.543.488)
Cổ tức nhận được	(17.863.472.500)
Chênh lệch tỷ giá	<u>(3.405.339.537)</u>
Số cuối năm	<u>69.860.143.614</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>160.014.457.208</u>
Số cuối năm	<u>162.728.191.614</u>

14.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số đầu năm và số cuối năm	
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)
Công ty TNHH Thiên Phúc	Cung cấp thiết bị và hệ thống chống sét	Đang hoạt động	10,00	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Đang hoạt động	3,40	<u>1.513.534.971</u>
TỔNG CỘNG				3.513.534.971
Dự phóng đầu tư vào đơn vị khác				<u>(2.000.000.000)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN				<u>1.513.534.971</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Aristopharma Ltd.	13.793.220.000	4.945.248.000
Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C	8.718.730.960	-
Truking Technology Limited	3.113.579.550	4.479.579.550
Công ty TNHH Công nghệ Trung Sơn	459.428.000	4.824.825.273
Khác	134.717.941.571	111.153.932.675
TỔNG CỘNG	160.802.900.081	125.403.585.498

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm HQ	4.945.269.650	893.661.500
Công ty Cổ phần Sundial Pharma	3.444.824.049	1.432.571.792
Rexton JSC	1.626.195.000	1.132.185.000
Công ty Cổ phần Dược VP-Pharma	1.396.512.100	1.410.401.050
Khác	4.563.951.542	4.537.972.230
TỔNG CỘNG	15.976.752.341	9.406.791.572

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.895.013.022	55.276.507.052	(63.607.032.235)	19.564.487.839
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	822.267.082	22.417.248.504	(22.262.972.522)	976.543.064
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(130.633.868)	19.769.319.220	(20.989.660.897)	(1.350.975.545)
Thuế thu nhập cá nhân	272.617.762	20.579.873.284	(17.903.480.613)	2.949.010.433
Thuế nhập khẩu	(19.850.259)	481.989.915	(462.139.656)	-
Khác	13.133.219	6.270.089.407	(2.557.669.855)	3.725.552.771
TỔNG CỘNG	28.852.546.958	124.795.027.382	(127.782.955.778)	25.864.618.562
Trong đó:				
Phải thu	153.780.605			1.507.912.479
Phải trả	29.006.327.563			27.372.531.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động bán hàng	19.371.213.021	32.249.962.692
Chi phí khác	452.344.852	1.269.328.504
TỔNG CỘNG	19.823.557.873	33.519.291.196

18. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao HĐQT và Ủy Ban Kiểm toán	6.498.614.659	5.944.975.675
Quỹ từ thiện Thiên Phúc	1.750.718.610	2.472.000.000
Thu chi hộ	-	3.235.148.290
Khác	431.753.385	1.748.789.911
TỔNG CỘNG	8.681.086.654	13.400.913.876

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	35.267.119.497	60.379.701.637	(75.733.320.497)	16.000.000.000	35.913.500.637
Vay ngân hàng (TM số 19.1)	19.267.119.497	60.379.701.637	(59.733.320.497)	-	19.913.500.637
Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 19.2)	16.000.000.000	-	(16.000.000.000)	16.000.000.000	16.000.000.000
Vay dài hạn	44.000.000.000	-	-	(16.000.000.000)	28.000.000.000
Vay bên liên quan (TM số 19.3)	44.000.000.000	-	-	(16.000.000.000)	28.000.000.000
TỔNG CỘNG	79.267.119.497	60.379.701.637	(75.733.320.497)	-	63.913.500.637
19.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng					
Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định	19.913.500.637	Từ ngày 11 tháng 2 năm 2025 đến ngày 4 tháng 3 năm 2025	4,4	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp
19.2 Vay dài hạn					
Bên cho vay	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Quỹ Đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định (TM số 30)	44.000.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2025 đến ngày 23 tháng 9 năm 2027	7,0	Tài trợ cho dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội	Toàn bộ tài sản trong tương lai dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao - Giai đoạn 1: Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư (TM số 11)
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	16.000.000.000 28.000.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND			
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>Quỹ thưởng ban điều hành</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	25.246.465.913	49.791.530.441	10.553.682.026	85.591.678.380
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế (TM số 22.1)	13.759.097.459	13.759.097.459	5.503.638.984	33.021.833.902
Tăng khác	21.600.000	-	-	21.600.000
Sử dụng quỹ	(3.582.287.000)	(1.805.991.337)	-	(5.388.278.337)
Số cuối năm	<u>35.444.876.372</u>	<u>61.744.636.563</u>	<u>16.057.321.010</u>	<u>113.246.833.945</u>

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	VND		
	<i>Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	<i>Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã hình thành tài sản cố định</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	65.177.085.243	22.249.013.877	87.426.099.120
Trích lập từ lợi nhuận trước thuế (TM số 26)	23.000.000.000	-	23.000.000.000
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(2.782.079.500)	(2.782.079.500)
Số cuối năm	<u>88.177.085.243</u>	<u>19.466.934.377</u>	<u>107.644.019.620</u>

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>Quỹ đầu tư Lợi nhuận sau thuế phát triển chưa phân phối</i>	<i>VND</i>
Năm trước						
Số đầu năm	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	7.078.865.513	147.263.283.034	1.348.954.109.596
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	269.054.870.446
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	26.905.487.045	(26.905.487.045)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(32.286.584.453)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(149.686.948.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(5.381.097.409)
Khác	-	-	-	1.117.025.127	-	(3.208.986.971)
Số cuối năm	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	8.195.890.640	174.168.770.079	1.428.562.388.336
Năm nay						
Số đầu năm	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	8.195.890.640	174.168.770.079	1.428.562.388.336
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	275.181.949.187
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	27.518.194.919	(27.518.194.919)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(33.021.833.902)
Cổ tức bằng cổ phiếu	187.102.880.000	-	-	-	-	(187.102.880.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(5.503.638.984)
Khác	-	-	-	(3.405.339.537)	-	(3.080.543.488)
Số cuối năm	935.938.470.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	4.790.551.103	201.686.964.998	1.658.732.981.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	748.835.590.000	748.835.590.000
Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức(i)	187.102.880.000	-
Số cuối năm	935.938.470.000	748.835.590.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố (i)	187.102.880.000	149.686.948.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	187.102.880.000	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	9.933.200	149.698.254.425

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 749/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:25, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Theo đó, vào ngày 26 tháng 6 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1056/NQ-HĐQT đã phê duyệt kết quả phát hành 18.710.868 cổ phiếu trên và vốn cổ phần của Công ty sau đợt phát hành là 935.938.470.000 VND. Việc thay đổi vốn cổ phần này cũng được SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 ngày 4 tháng 7 năm 2024. Công ty đã nhận được Thông báo số 455/QĐ-SGDHCM của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 26 tháng 7 năm 2024, chấp thuận Công ty được thay đổi đăng ký niêm yết.

22.3 Cổ phiếu phổ thông

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	93.593.847	74.883.559
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.593.847	74.883.559
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(40.085)	(40.085)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.553.762	74.843.474

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định	124.856.060.000	13,34	99.884.850.000	13,34
KWE Beteiligung AG	93.885.500.000	10,01	49.045.000.000	6,54
Các cổ đông khác	716.996.060.000	76,61	599.504.890.000	80,07
Cổ phiếu quỹ	400.850.000	0,04	400.850.000	0,05
TỔNG CỘNG	935.938.470.000	100,00	748.835.590.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	VND Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	275.181.949.187	269.054.870.446
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(33.021.833.902)	(32.286.584.454)
Trừ: Thù lao Hội đồng Quản trị (**)	(5.503.638.984)	(5.381.097.409)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	236.656.476.301	231.387.188.583
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (**)	93.553.762	93.553.762
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.530	2.473
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	2.530	2.473

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại mức 12% và thù lao Hội đồng Quản trị tại mức 2% từ lợi nhuận của năm 2024 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 749/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để chi trả cổ tức đã thực hiện trong năm 2024 (TM số 22.2).

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Nguồn kinh phí và quỹ khác thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định ("SKHCNTBD") liên quan tới các hợp đồng "Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định", hợp đồng "Nghiên cứu phát triển dạng bào chế và đánh giá tác động của bài thuốc điều trị chấn thương trong võ cổ truyền Bình Định" và các hợp đồng nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng quy trình nhân giống, trồng và chế biến một số loại cây dược liệu.

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	1.817.259.164.083	1.731.725.782.465
Trong đó:		
Doanh thu bán dược phẩm sản xuất	1.752.251.384.321	1.657.671.021.401
Doanh thu bán dược phẩm mua ngoài	35.696.823.885	35.633.698.173
Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	18.586.867.418	17.649.935.642
Doanh thu bán vật tư y tế	8.381.818.232	20.338.996.821
Khác	2.342.270.227	432.130.428
Các khoản giảm trừ doanh thu	(89.710.776.512)	(79.956.203.506)
Chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán	(86.135.200.447)	(68.300.161.142)
Hàng bán trả lại	(3.575.576.065)	(11.656.042.364)
DOANH THU THUẦN	1.727.548.387.571	1.651.769.578.959

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	11.399.296.546	11.635.134.913
Cổ tức được chia	205.710.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.754.141.812	2.604.446.559
TỔNG CỘNG	13.359.148.358	14.239.581.472

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn bán dược phẩm sản xuất	818.509.961.544	781.784.614.739
Giá vốn bán dược phẩm mua ngoài	34.057.609.049	33.733.207.956
Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	33.123.410.276	16.639.235.936
Giá vốn bán vật tư y tế	8.149.559.493	20.807.541.650
Khác	1.134.598.354	284.921.117
TỔNG CỘNG	894.975.138.716	853.249.521.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	404.195.096.035	375.562.332.884
Chi phí nhân viên bán hàng	199.626.047.458	196.312.873.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.112.834.846	59.837.666.954
Chi phí khấu hao	3.213.450.544	2.950.088.573
Khác	142.242.763.187	116.461.704.231
Chi phí quản lý doanh nghiệp	122.785.668.843	125.976.158.264
Chi phí nhân viên	47.180.257.016	48.855.346.326
Chi phí trích quỹ khoa học và công nghệ	23.000.000.000	23.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.088.764.523	12.666.792.838
Chi phí khấu hao và hao mòn	9.952.145.490	11.891.509.241
Hoàn nhập dự phòng	(330.125.014)	(1.858.555.827)
Khác	30.894.626.828	31.421.065.686
TỔNG CỘNG	526.980.764.878	501.538.491.148

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	8.168.738.992	7.805.761.415
Chi phí lãi vay	4.058.137.920	6.998.419.238
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.701.633.484	3.087.402.101
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	16.928.510.396	17.891.582.754

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	669.140.873.557	647.599.499.586
Chi phí nhân viên	337.380.955.381	329.204.217.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.543.018.230	140.516.497.207
Chi phí khấu hao và hao mòn	48.112.079.145	45.969.672.283
Chi phí dự phòng	16.115.704.247	8.651.559.323
Chi phí khác	198.989.623.120	173.407.892.144
TỔNG CỘNG	1.415.282.253.680	1.345.349.338.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là:

- theo thuế suất thuế TNDN thông thường 20% trên thu nhập chịu thuế thu được từ hoạt động sản xuất từ nhà máy Nguyễn Thái Học, và
- miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo trên thu nhập chịu thuế thu được từ nhà máy Nhơn Hội.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.074.436.040	54.408.081.256
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước	1.202.071.012	-
	55.276.507.052	54.408.081.256
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(5.322.931.908)	(3.376.591.417)
TỔNG CỘNG	49.953.575.144	51.031.489.839

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	325.135.524.331	320.086.360.285
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	65.027.104.866	64.017.272.057
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập miễn thuế	(12.755.358.591)	(8.561.841.507)
Chi phí không được trừ	2.154.351.022	1.337.231.512
Lãi từ công ty liên kết	(5.412.617.986)	(5.740.803.934)
Khác	(261.975.179)	(20.368.289)
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước	1.202.071.012	-
Chi phí thuế TNDN	49.953.575.144	51.031.489.839

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Khấu hao	5.872.120.082	4.343.317.219	1.528.802.863	1.528.448.036
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.391.188.882	2.102.023.029	3.289.165.853	2.102.023.029
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.453.416.745	1.330.444.020	122.972.725	(214.807.395)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	400.000.000	-	400.000.000	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	175.377.236	193.386.769	(18.009.533)	(39.072.253)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	13.292.102.945	7.969.171.037		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			5.322.931.908	3.376.591.417

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quý Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định	Cổ đông lớn
KWE Beteteiligungen AG	Cổ đông lớn

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Quý Đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	Trả nợ vay	16.000.000.000	16.000.000.000
	Chi phí lãi vay	3.811.068.000	4.925.699.000
	Cổ tức đã trả	24.971.210.000	19.976.970.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay			
Quý Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định	Vay	44.000.000.000	60.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (" HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	3.872.050.000	3.285.240.000
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	3.146.191.596	2.367.147.500
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 1 năm 2025)	2.842.700.000	2.380.277.500
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	2.270.030.000	1.692.595.000
Ông Trương Thanh Liêm	Thành viên HĐQT	1.383.165.000	818.200.000
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	750.000.000	560.000.000
Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch HĐQT	650.000.000	610.000.000
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên độc lập HĐQT/Thành viên UBKT (đến ngày 27 tháng 4 năm 2024)	580.000.000	615.000.000
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT (đến ngày 27 tháng 4 năm 2024)	550.000.000	560.000.000
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên độc lập HĐQT/Thành viên UBKT	30.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Quá	Thành viên HĐQT (đến ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	878.000.000
TỔNG CỘNG		16.074.136.596	13.766.460.000

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ :		
Đô la Mỹ (USD)	2.596,70	70.221,20
Euro (EUR)	145,82	157,45

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty đang thuê nhà kho và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	
Đến 1 năm	1.633.874.832	1.407.704.832
Từ 1 – 5 năm	822.000.000	1.044.044.832
TỔNG CỘNG	2.455.874.832	2.451.749.664

Cam kết đầu tư

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty có các cam kết hợp đồng cho việc xây nhà máy như sau:

	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đã ghi nhận	Giá trị cam kết còn lại
	VND		
Nhà máy sản xuất			
Dược phẩm Bidiphar			
Công nghệ cao	416.709.371.405	158.721.743.664	257.987.627.741
Dây chuyền thuốc tiêm bột	31.427.785.000	28.689.372.308	2.738.412.692
TỔNG CỘNG	448.137.156.405	187.411.115.972	260.726.040.433

33. NỢ TIỀM TÀNG

Theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, nhà sản xuất, nhập khẩu một số loại sản phẩm và bao bì sẽ có trách nhiệm tái chế các sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ tái chế bắt buộc theo lộ trình quy định, bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.

Nhóm Công ty hiện có hoạt động sản xuất bao bì thương phẩm của hàng hóa là thuốc theo quy định của pháp luật về dược, theo đó, Công ty được xác định thuộc đối tượng phải thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý bao bì của sản phẩm, thực hiện đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc quy định tại Chương VI, Mục 1, Điều 77 đến điều 82 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đang trong quá trình ước tính một cách đáng tin cậy giá trị nghĩa vụ tái chế bao bì có thể phát sinh. Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, khoản nghĩa vụ tái chế bao bì có thể phát sinh là không trọng yếu đối với báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Thanh May
Người lập



Đỗ Huy Phương
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 37

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần thứ 2 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 12 ngày 4 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười bảy (17) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên	
Ông Trương Thanh Liêm	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Thanh Hương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang Thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 12315209/67742120

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán trên các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.429.358.705.624	1.213.083.413.718
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	302.102.399.732	85.801.721.026
111	1. Tiền		52.602.399.732	40.801.721.026
112	2. Các khoản tương đương tiền		249.500.000.000	45.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		121.921.158.600	218.694.519.950
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.393.300	1.393.300
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	121.919.765.300	218.693.126.650
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		490.593.372.723	410.710.581.647
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	475.715.676.078	457.903.096.664
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	76.429.428.383	15.556.726.465
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.520.227.122	6.629.542.392
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(68.071.958.860)	(69.378.783.874)
140	IV. Hàng tồn kho	9	502.910.880.911	486.319.843.079
141	1. Hàng tồn kho		529.866.825.320	496.829.958.227
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(26.955.944.409)	(10.510.115.148)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.830.893.658	11.556.748.016
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	8.607.704.453	9.534.457.212
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.868.917.182	1.868.510.199
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.354.272.023	153.780.605
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		750.859.089.873	694.049.379.025
220	I. Tài sản cố định		336.934.026.822	356.945.040.045
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	280.110.093.082	298.745.175.954
222	Nguyên giá		809.920.845.684	780.274.733.405
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(529.810.752.602)	(481.529.557.451)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	56.823.933.740	58.199.864.091
228	Nguyên giá		76.110.993.392	75.825.743.392
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.287.059.652)	(17.625.879.301)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		232.783.623.387	162.223.717.793
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	232.783.623.387	162.223.717.793
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	129.381.582.971	131.381.582.971
251	1. Đầu tư vào công ty con		35.000.000.000	35.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		92.868.048.000	92.868.048.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.513.534.971	3.513.534.971
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.000.000.000)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		51.759.856.693	43.499.038.216
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	38.643.130.984	35.723.253.948
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	13.116.725.709	7.775.784.268
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.180.217.795.497	1.907.132.792.743

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		590.634.601.621	545.068.853.439
310	I. Nợ ngắn hạn		447.723.498.276	406.990.534.220
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	152.345.441.312	112.644.108.953
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	15.964.527.341	18.331.882.916
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	27.237.108.049	27.127.937.881
314	4. Phải trả người lao động		76.086.014.025	83.834.269.433
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	18.248.986.313	30.792.623.284
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	8.681.086.654	13.400.913.876
320	7. Vay ngắn hạn	19	35.913.500.637	35.267.119.497
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	113.246.833.945	85.591.678.380
330	II. Nợ dài hạn		142.911.103.345	138.078.319.219
338	1. Vay dài hạn	19	28.000.000.000	44.000.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.13	7.267.083.725	6.652.220.099
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	107.644.019.620	87.426.099.120
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.589.583.193.876	1.362.063.939.304
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	1.587.175.359.771	1.357.784.787.851
411	1. Vốn cổ phần		935.938.470.000	748.835.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		935.938.470.000	748.835.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.921.442.000	20.921.442.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.952.796.558)	(1.952.796.558)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		201.686.964.998	174.168.770.079
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		430.581.279.331	415.811.782.330
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		228.708.902.330	198.684.345.530
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		201.872.377.001	217.127.436.800
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	23	2.407.834.105	4.279.151.453
431	1. Nguồn kinh phí		38.936.237	988.645.822
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		2.368.897.868	3.290.505.631
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.180.217.795.497	1.907.132.792.743

Phạm Thị Thanh May
Người lập

Đỗ Huy Phương
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.740.554.933.937	1.669.822.970.041
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(82.622.992.054)	(87.639.079.767)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.657.931.941.883	1.582.183.890.274
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(859.166.792.281)	(814.135.083.830)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		798.765.149.602	768.048.806.444
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	43.112.561.107	66.562.131.628
22	7. Chi phí tài chính	27	(16.004.651.055)	(16.884.533.026)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.058.137.920)	(6.998.419.238)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(385.686.363.721)	(358.757.610.972)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(120.978.955.274)	(127.343.961.356)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		319.207.740.659	331.624.832.718
31	11. Thu nhập khác		1.071.897.913	629.196.649
32	12. Chi phí khác		(4.784.335.900)	(2.433.974.444)
40	13. Lỗ khác		(3.712.437.987)	(1.804.777.795)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		315.495.302.672	329.820.054.923
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(52.920.199.307)	(51.535.112.886)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	5.340.941.441	3.415.663.670
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		267.916.044.806	281.700.605.707



Phạm Thị Thanh May
Người lập



Đỗ Huy Phương
Kế toán trưởng



Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		315.495.302.672	329.820.054.923
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		48.014.021.405	45.942.378.301
03	Dự phòng		17.753.867.873	10.740.509.047
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		245.498.185	132.605.550
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(41.358.419.295)	(63.957.685.069)
06	Chi phí lãi vay	27	4.058.137.920	6.998.419.238
07	Điều chỉnh khác		23.237.816.553	23.922.700.153
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		367.446.225.313	353.598.982.143
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(28.206.830.555)	64.113.421.830
10	Tăng hàng tồn kho		(33.036.867.093)	(48.728.178.879)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		11.537.549.189	(8.972.362.863)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.993.124.277)	(3.942.504.151)
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.190.082.920)	(7.165.652.238)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(59.737.183.898)	(37.975.825.788)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.474.736.062	146.940.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.028.940.537)	(27.338.566.215)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		245.265.481.284	283.736.253.839
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(148.253.526.092)	(134.247.220.361)
23	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng		(127.819.765.300)	(183.093.126.650)
24	Thu tiền gửi có kỳ hạn		224.593.126.650	185.789.250.637
27	Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận đã nhận		37.900.108.316	29.887.412.080
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.580.056.426)	(101.663.684.294)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	60.379.701.637	216.777.675.586
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(75.733.320.497)	(213.510.556.089)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(9.933.200)	(149.698.254.425)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.363.552.060)	(146.431.134.928)

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		216.321.872.798	35.641.434.617
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		85.801.721.026	50.245.427.142
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(21.194.092)	(85.140.733)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	302.102.399.732	85.801.721.026

Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Thanh May
Người lập



Đỗ Huy Phương
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) ("Công ty") tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần thứ 2 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 12 ngày 4 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười bảy (17) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.332 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.273 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Năm tài chính năm

Năm tài chính năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu; công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm	- Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (tiếp theo)

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty có khả năng thu tiền dự kiến tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khởi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 43 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	4 - 10 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này ghi nhận quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho nhân viên và quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty, và được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên. Quỹ này được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.322.729.968	1.260.939.904
Tiền gửi ngân hàng	51.279.669.764	39.540.781.122
Tương đương tiền (*)	249.500.000.000	45.000.000.000
TỔNG CỘNG	302.102.399.732	85.801.721.026

(*) Tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng.

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:		
Nhận cổ tức bằng căn trừ công nợ	2.913.029.929	34.622.884.012

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	475.302.026.593	457.903.096.664
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật		
Đông Nam	45.131.856.249	45.131.856.249
Khác	430.170.170.344	412.771.240.415
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	413.649.485	-
TỔNG CỘNG	475.715.676.078	457.903.096.664
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 8)	(64.418.817.801)	(65.223.642.815)
GIÁ TRỊ THUẦN	411.296.858.277	392.679.453.849

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Tofflon Science Technology Group Company Limited	38.272.301.000	1.658.180.000
Truking Technology Limited	12.995.306.236	267.850.200
Jiangsu Medwell Medical Equipment Company Limited	2.715.998.299	1.780.456.695
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	1.091.279.592	1.091.279.592
Công ty TNHH Ha Food VN	-	2.204.156.248
Khác	23.354.543.256	8.554.803.730
TỔNG CỘNG	76.429.428.383	15.556.726.465
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 8)	(1.371.279.592)	(1.873.279.592)
GIÁ TRỊ THUẦN	75.058.148.791	13.683.446.873

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi dự thu	2.378.103.423	1.832.822.373
Tạm ứng nhân viên	782.928.777	1.371.169.088
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	106.825.952	155.161.000
Khác	3.252.368.970	3.270.389.931
TỔNG CỘNG	6.520.227.122	6.629.542.392
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 8)	(2.281.861.467)	(2.281.861.467)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.238.365.655	4.347.680.925

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

8.1 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(69.378.783.874)	(68.074.352.999)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(4.571.999.735)	(5.930.653.605)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	5.878.824.749	4.626.222.730
Số cuối năm	(68.071.958.860)	(69.378.783.874)

8.2 Nợ quá hạn

	VND			
	Đối tượng			
	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đồng Nam	Công ty TNHH Kiến Tạo	Khách hàng khác	Tổng cộng
Số cuối năm				
Giá gốc	46.986.723.841	12.339.449.445	13.983.805.762	73.309.979.048
Dự phòng	(46.986.723.841)	(12.339.449.445)	(8.745.785.574)	(68.071.958.860)
Giá trị thuần	-	-	5.238.020.188	5.238.020.188
Số đầu năm				
Giá gốc	46.986.723.841	13.139.449.445	24.749.014.846	84.875.188.132
Dự phòng	(46.986.723.841)	(9.197.614.612)	(13.194.445.421)	(69.378.783.874)
Giá trị thuần	-	3.941.834.833	11.554.569.425	15.496.404.258

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	268.828.343.745	(21.907.801.829)	303.915.620.795	(3.598.086.214)
Thành phẩm	184.457.917.747	(3.124.185.961)	162.634.160.038	(4.097.331.411)
Hàng mua đang đi đường	40.395.223.790	-	7.732.059.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.801.827.215	-	16.604.493.460	-
Hàng hóa	5.705.158.654	(1.923.956.619)	4.052.581.962	(2.814.697.523)
Công cụ, dụng cụ	1.678.354.169	-	1.891.042.427	-
TỔNG CỘNG	529.866.825.320	(26.955.944.409)	496.829.958.227	(10.510.115.148)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(10.510.115.148)	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(20.564.518.416)	(10.510.115.148)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	4.118.689.155	-
Số cuối năm	<u>(26.955.944.409)</u>	<u>(10.510.115.148)</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	8.607.704.453	9.534.457.212
Chi phí bảo trì và sửa chữa	4.016.797.362	4.165.668.576
Công cụ, dụng cụ	2.494.919.721	3.806.756.668
Chi phí thuê	240.000.000	401.150.000
Khác	1.855.987.370	1.160.883.968
Dài hạn	38.643.130.984	35.723.253.948
Chi phí thuê đất (*)	30.248.346.672	30.783.712.544
Chi phí bảo trì và sửa chữa	5.034.904.647	2.481.910.355
Công cụ, dụng cụ	3.194.206.392	2.013.726.802
Khác	165.673.273	443.904.247
TỔNG CỘNG	47.250.835.437	45.257.711.160

(*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội với thời hạn thuê đến ngày 17 tháng 6 năm 2066 và đến ngày 31 tháng 7 năm 2069.

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quân lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	220.742.995.716	494.413.106.947	47.024.008.702	18.094.622.040	780.274.733.405
Mua mới trong năm	2.032.156.403	7.524.221.032	-	15.569.113	9.571.946.548
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	9.606.130.446	6.788.412.621 (1.698.333.166)	4.028.116.332	1.426.839.498 (77.000.000)	21.849.498.897 (1.775.333.166)
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối năm	232.381.282.565	507.027.407.434	51.052.125.034	19.460.030.651	809.920.845.684
Trong đó:					
Đề khấu hao hết	34.640.017.775	249.639.178.233	32.101.939.664	13.739.463.452	330.120.599.124
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	123.121.100.838	305.031.468.332	37.584.110.022	15.792.878.259	481.529.557.451
Khấu hao trong năm	15.685.841.040	30.835.365.583 (1.698.333.166)	2.364.579.906	1.170.741.788 (77.000.000)	50.056.528.317 (1.775.333.166)
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối năm	138.806.941.878	334.168.500.749	39.948.689.928	16.886.620.047	529.810.752.602
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	97.621.894.878	189.381.638.615	9.439.898.680	2.301.743.781	298.745.175.954
Số cuối năm	93.574.340.687	172.858.906.685	11.103.435.106	2.573.410.604	280.110.093.082
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	54.914.457.656	104.163.657.791	606.655.293	677.733.660	160.362.504.400



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	56.767.881.650	19.057.861.742	75.825.743.392
Mua mới trong năm	-	285.250.000	285.250.000
Số cuối năm	56.767.881.650	19.343.111.742	76.110.993.392
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	11.769.065.800	11.769.065.800
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	2.702.794.182	14.923.085.119	17.625.879.301
Hao mòn trong năm	228.189.055	1.432.991.296	1.661.180.351
Số cuối năm	2.930.983.237	16.356.076.415	19.287.059.652
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	54.065.087.468	4.134.776.623	58.199.864.091
Số cuối năm	53.836.898.413	2.987.035.327	56.823.933.740

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất của văn phòng tại các chi nhánh.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao	158.721.743.664	89.257.049.646
Dây chuyền thuốc tiêm bột	28.689.372.308	28.578.533.644
Văn phòng Chi nhánh Hồ Chí Minh	24.924.000.000	24.924.000.000
Cửa hàng trưng bày thiết bị y tế	-	6.417.855.546
Khác	20.448.507.415	13.046.278.957
TỔNG CỘNG	232.783.623.387	162.223.717.793

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	35.000.000.000	35.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	92.868.048.000	92.868.048.000
Đầu tư vào các đơn vị khác	3.513.534.971	3.513.534.971
TỔNG CỘNG	131.381.582.971	131.381.582.971
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.000.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	129.381.582.971	131.381.582.971

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số đầu năm và số cuối năm	
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)
Các công ty con:				
Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Kinh doanh thuốc tân dược, dược liệu, vật tư y tế	Đang hoạt động	100,00	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dược Liệu Hữu Cơ Bidiphar	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Đang hoạt động	100,00	5.000.000.000
TỔNG CỘNG				35.000.000.000
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Khai thác và chế biến mủ cao su	Đang hoạt động	33,58	92.868.048.000
Các đơn vị khác:				
Công ty TNHH Thiên Phúc	Cung cấp thiết bị và hệ thống chống sét	Đang hoạt động	10,00	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Đang hoạt động	3,40	1.513.534.971
TỔNG CỘNG				3.513.534.971
Dự phòng đầu tư vào các đơn vị khác				(2.000.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN				1.513.534.971

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp	152.310.967.712	112.644.108.953
Aristopharma Ltd.	13.793.220.000	4.945.248.000
Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C	8.718.730.960	-
Truking Technology Limited	3.113.579.550	4.479.579.550
Công ty TNHH Công Nghệ Trung Sơn	459.428.000	4.824.825.273
Khác	126.226.009.202	98.394.456.130
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	34.473.600	-
TỔNG CỘNG	152.345.441.312	112.644.108.953

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	15.964.527.341	9.406.791.572
Công ty TNHH Dược phẩm HQ	4.945.269.650	893.661.500
Công ty Cổ phần Sundial Pharma	3.444.824.049	1.432.571.792
Rexton JSC	1.626.195.000	1.132.185.000
Công ty Cổ phần Dược VP-Pharma	1.396.512.100	1.410.401.050
Khác	4.551.726.542	4.537.972.230
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)	-	8.925.091.344
TỔNG CỘNG	15.964.527.341	18.331.882.916

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.535.112.886	52.920.199.307	(59.737.183.898)	19.718.128.295
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	335.505.461	20.832.469.443	(20.283.065.714)	884.909.190
Thuế thu nhập cá nhân	240.889.837	20.068.528.420	(17.404.196.942)	2.905.221.315
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(130.633.868)	19.769.319.220	(20.989.660.897)	(1.350.975.545)
Thuế nhập khẩu	(19.850.259)	481.989.915	(462.139.656)	-
Thuế khác	13.133.219	6.264.089.407	(2.551.669.855)	3.725.552.771
TỔNG CỘNG	26.974.157.276	120.336.595.712	(121.427.916.962)	25.882.836.026
Trong đó:				
Phải thu	153.780.605			1.354.272.023
Phải trả	27.127.937.881			27.237.108.049

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động bán hàng	17.796.641.461	29.523.294.780
Chi phí khác	452.344.852	1.269.328.504
TỔNG CỘNG	18.248.986.313	30.792.623.284

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao HĐQT và Ủy Ban Kiểm toán	6.498.614.659	5.944.975.675
Quỹ từ thiện Thiên Phúc	1.750.718.610	2.472.000.000
Thu chi hộ	-	3.235.148.290
Khác	431.753.385	1.748.789.911
TỔNG CỘNG	8.681.086.654	13.400.913.876

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19.	VAY	VND					Số cuối năm
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại		
	Vay ngắn hạn	35.267.119.497	60.379.701.637	(75.733.320.497)	16.000.000.000	35.913.500.637	
	Vay ngân hàng (Thuyết minh "TM" số 19.1)	19.267.119.497	60.379.701.637	(59.733.320.497)	-	19.913.500.637	
	Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 19.2)	16.000.000.000	-	(16.000.000.000)	16.000.000.000	16.000.000.000	
	Vay dài hạn	44.000.000.000	-	-	(16.000.000.000)	28.000.000.000	
	Vay bên liên quan (TM số 19.2)	44.000.000.000	-	-	(16.000.000.000)	28.000.000.000	
	TỔNG CỘNG	79.267.119.497	60.379.701.637	(75.733.320.497)	-	63.913.500.637	
19.1	Vay ngắn hạn từ ngân hàng						
	Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo	
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định	19.913.500.637	Từ ngày 11 tháng 2 năm 2025 đến ngày 4 tháng 3 năm 2025	4,4	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp	
19.2	Vay dài hạn						
	Đến cho vay	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất % /năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo	
	Quỹ Đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định (TM số 30)	44.000.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2025 đến ngày 23 tháng 9 năm 2027	7,0	Tài trợ cho dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội	Toàn bộ tài sản trong tương lai dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao - Giai đoạn 1: Nhà máy sản xuất thuộc điều trị ung thư (TM số 11)	
	Trong đó:						
	Vay dài hạn đến hạn trả	16.000.000.000					
	Vay dài hạn	28.000.000.000					



**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND			
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>Quỹ thưởng ban điều hành</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	25.246.465.913	49.791.530.441	10.553.682.026	85.591.678.380
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế (TM số 22.1)	13.759.097.459	13.759.097.459	5.503.638.984	33.021.833.902
Tăng khác	21.600.000	-	-	21.600.000
Sử dụng quỹ	(3.582.287.000)	(1.805.991.337)	-	(5.388.278.337)
Số cuối năm	<u>35.444.876.372</u>	<u>61.744.636.563</u>	<u>16.057.321.010</u>	<u>113.246.833.945</u>

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	VND		
	<i>Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	<i>Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã hình thành tài sản cố định</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	65.177.085.243	22.249.013.877	87.426.099.120
Trích lập từ lợi nhuận trước thuế (TM số 26)	23.000.000.000	-	23.000.000.000
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(2.782.079.500)	(2.782.079.500)
Số cuối năm	<u>88.177.085.243</u>	<u>19.466.934.377</u>	<u>107.644.019.620</u>

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Năm trước						
Số đầu năm	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	147.263.283.034	348.310.549.530	1.263.378.068.006
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	281.700.605.707	281.700.605.707
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	26.905.487.045	(26.905.487.045)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(32.286.584.453)	(32.286.584.453)
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(149.686.948.000)	(149.686.948.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(5.381.097.409)	(5.381.097.409)
Khác	-	-	-	-	60.744.000	60.744.000
Số cuối năm	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	174.168.770.079	415.811.782.330	1.357.784.787.851
Năm nay						
Số đầu năm	748.835.590.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	174.168.770.079	415.811.782.330	1.357.784.787.851
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	267.916.044.806	267.916.044.806
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	27.518.194.919	(27.518.194.919)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(33.021.833.902)	(33.021.833.902)
Cổ tức bằng cổ phiếu	187.102.880.000	-	-	-	(187.102.880.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(5.503.638.984)	(5.503.638.984)
Số cuối năm	935.938.470.000	20.921.442.000	(1.952.796.558)	201.686.964.998	430.581.279.331	1.587.175.359.771

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
VND		
Vốn đã góp		
Số đầu năm	748.835.590.000	748.835.590.000
Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức (i)	187.102.880.000	-
Số cuối năm	935.938.470.000	748.835.590.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	187.102.880.000	149.686.948.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu (i)	187.102.880.000	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	9.933.200	149.698.254.425

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 749/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:25, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Theo đó, vào ngày 26 tháng 6 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1056/NQ-HĐQT đã phê duyệt kết quả phát hành 18.710.868 cổ phiếu trên và vốn cổ phần của Công ty sau đợt phát hành là 935.938.470.000 VND. Việc thay đổi vốn cổ phần này cũng được SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 ngày 4 tháng 7 năm 2024. Công ty đã nhận được Thông báo số 455/QĐ-SGDHCM của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 26 tháng 7 năm 2024, chấp thuận Công ty được thay đổi đăng ký niêm yết.

22.3 Vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	93.593.847	74.883.559
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	93.593.847	74.883.559
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(40.085)	(40.085)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	93.553.762	74.843.474

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	sở hữu	VND	sở hữu
		%		%
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định	124.856.060.000	13,34	99.884.850.000	13,34
KWE Beteiligungen AG	93.685.500.000	10,01	49.045.000.000	6,54
Các cổ đông khác	716.996.060.000	76,61	599.504.890.000	80,07
Cổ phiếu quỹ	400.850.000	0,04	400.850.000	0,05
TỔNG CỘNG	935.938.470.000	100,00	748.835.590.000	100,00

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Nguồn kinh phí và quỹ khác thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định ("SKHCNTBD") liên quan tới các hợp đồng "Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định", hợp đồng "Nghiên cứu phát triển dạng bào chế và đánh giá tác động của bài thuốc điều trị chấn thương trong võ cổ truyền Bình Định" và các hợp đồng nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng quy trình nhân giống, trồng và chế biến một số loại cây dược liệu.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	1.740.554.933.937	1.669.822.970.041
Trong đó:		
Doanh thu bán dược phẩm	1.713.312.693.266	1.631.915.832.640
Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	18.586.867.418	17.649.935.642
Doanh thu bán vật tư y tế	8.252.769.927	20.061.330.123
Khác	402.603.326	195.871.636
Các khoản giảm trừ doanh thu	(82.622.992.054)	(87.639.079.767)
Chiếu khấu thương mại và giảm giá hàng bán	(79.141.380.130)	(75.971.074.672)
Hàng bán trả lại	(3.481.611.924)	(11.668.005.095)
DOANH THU THUẦN	1.657.931.941.883	1.582.183.890.274
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	1.557.431.138.660	1.483.431.927.071
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	100.500.803.223	98.751.963.203

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.193.963.241	52.486.356.512
Lãi tiền gửi	11.164.456.054	11.471.328.557
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.754.141.812	2.604.446.559
TỔNG CỘNG	43.112.561.107	66.562.131.628

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn bán dược phẩm	817.636.482.119	776.748.156.342
Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	33.123.410.276	16.639.235.936
Giá vốn bán vật tư y tế	8.051.087.988	20.590.520.096
Khác	355.811.898	157.171.456
TỔNG CỘNG	859.166.792.281	814.135.083.830

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí bán hàng	385.686.363.721	358.757.610.972
Chi phí nhân viên bán hàng	191.295.723.385	188.556.701.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.013.899.698	58.742.812.598
Chi phí khấu hao	3.213.450.544	2.950.088.573
Chi phí khác	135.163.290.094	108.508.008.266
Chi phí quản lý doanh nghiệp	120.978.955.274	127.343.961.356
Chi phí nhân viên	45.916.722.901	47.558.925.843
Chi phí trích quỹ khoa học và công nghệ	23.000.000.000	23.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.709.541.137	12.225.211.672
Chi phí khấu hao và hao mòn (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	9.935.004.418	11.864.215.259
nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(330.125.014)	1.453.384.349
Chi phí khác	30.747.811.832	31.242.224.233
TỔNG CỘNG	506.665.318.995	486.101.572.328

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chiết khấu thanh toán	7.244.879.653	6.798.711.689
Chi phí lãi vay	4.058.137.920	6.998.419.238
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.701.633.482	3.087.402.099
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	16.004.651.055	16.884.533.026

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	633.413.443.791	608.485.062.019
Chi phí nhân viên	327.787.097.193	320.151.625.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.064.859.696	138.980.061.685
Chi phí khấu hao và hao mòn	48.014.021.405	45.942.378.301
Chi phí dự phòng	16.115.704.247	11.963.499.497
Chi phí khác	191.763.335.031	165.275.354.725
TỔNG CỘNG	1.359.158.461.363	1.290.797.981.923

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là:

- theo thuế suất thuế TNDN thông thường 20% trên thu nhập chịu thuế thu được từ hoạt động sản xuất từ nhà máy Nguyễn Thái Học, và
- miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo trên thu nhập chịu thuế thu được từ nhà máy Nhơn Hội.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51.718.128.295	51.535.112.886
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước	1.202.071.012	-
	52.920.199.307	51.535.112.886
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(5.340.941.441)	(3.415.663.670)
TỔNG CỘNG	47.579.257.866	48.119.449.216

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	315.495.302.672	329.820.054.923
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	63.099.060.534	65.964.010.985
Các khoản điều chỉnh:		
Thu nhập miễn thuế	(12.755.358.591)	(8.561.841.507)
Chi phí không được trừ	2.072.277.559	1.214.551.040
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.038.792.648)	(10.497.271.302)
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước	1.202.071.012	-
Chi phí thuế TNDN	47.579.257.866	48.119.449.216

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Khấu hao	5.872.120.082	4.343.317.218	1.528.802.864	1.528.448.035
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.391.188.882	2.102.023.030	3.289.165.852	2.102.023.030
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.453.416.745	1.330.444.020	122.972.725	(214.807.395)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	400.000.000	-	400.000.000	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	13.116.725.709	7.775.784.268		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			5.340.941.441	3.415.663.670

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Công ty năm nay như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	Cổ đông lớn
KWE Beteiligungen AG	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Công ty con
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Công ty con
Công ty Cổ phần Cao Su Bidiphar	Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar ("BTC")	Bán hàng hóa	100.609.554.191	114.008.174.860
	Giảm trừ doanh thu	108.750.968	15.256.211.657
	Cổ tức được nhận	12.124.780.741	34.622.884.012
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	Trả nợ vay	16.000.000.000	16.000.000.000
	Chi phí lãi vay	3.811.068.000	4.925.699.000
	Cổ tức đã trả	24.971.210.000	19.976.970.000
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Mua hàng hóa	475.720.256	83.860.000
	Trả hàng	-	29.040.000
Công ty Cổ phần Cao Su Bidiphar	Cổ tức được nhận	17.863.472.500	17.863.472.500

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>			
BTC	Bán hàng hóa	<u>413.649.485</u>	<u>-</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>			
BTC	Bán hàng hóa	<u>-</u>	<u>8.925.091.344</u>
<i>Ứng trước cho nhà cung cấp</i>			
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Mua hàng	<u>-</u>	<u>6.468.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Mua hàng	<u>34.473.600</u>	<u>-</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty TNHH Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	Thu chi hộ	<u>-</u>	<u>173.344.600</u>
<i>Vay</i>			
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	Vay	<u>44.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	3.872.050.000	3.285.240.000
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	3.146.191.596	2.367.147.500
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 1 năm 2025)	2.842.700.000	2.380.277.500
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	2.270.030.000	1.692.595.000
Ông Trương Thanh Liêm	Thành viên HĐQT	1.383.165.000	818.200.000
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	750.000.000	560.000.000
Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch HĐQT	650.000.000	610.000.000
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên độc lập HĐQT/Thành viên UBKT (đến ngày 27 tháng 4 năm 2024)	580.000.000	615.000.000
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT (đến ngày 27 tháng 4 năm 2024)	550.000.000	560.000.000
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên độc lập HĐQT/Thành viên UBKT	30.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Quá	Thành viên HĐQT (đến ngày 21 tháng 4 năm 2023)	-	878.000.000
TỔNG CỘNG		16.074.136.596	13.766.460.000

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ :		
Đô la Mỹ (USD)	2.596,70	70.221,20
Euro (EUR)	145,82	157,45

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đang thuê nhà kho và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.633.874.832	1.407.704.832
Từ 1 – 5 năm	822.000.000	1.044.044.832
TỔNG CỘNG	2.455.874.832	2.451.749.664

Cam kết đầu tư

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các cam kết hợp đồng cho việc xây nhà máy như sau:

	VND		
	Giá trị theo hợp đồng	Giá trị đã ghi nhận	Giá trị cam kết còn lại
Nhà máy sản xuất			
Dược phẩm Bidiphar			
Công nghệ cao	416.709.371.405	158.721.743.664	257.987.627.741
Dây chuyền thuốc tiêm bột	31.427.785.000	28.689.372.308	2.738.412.692
TỔNG CỘNG	448.137.156.405	187.411.115.972	260.726.040.433

33. NỢ TIỀM TÀNG

Theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, nhà sản xuất, nhập khẩu một số loại sản phẩm và bao bì sẽ có trách nhiệm tái chế các sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ tái chế bắt buộc theo lộ trình quy định, bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.

Công ty hiện có hoạt động sản xuất bao bì thương phẩm của hàng hóa là thuốc theo quy định của pháp luật về dược, theo đó, Công ty được xác định thuộc đối tượng phải thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý bao bì của sản phẩm, thực hiện đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc quy định tại Chương VI, Mục 1, Điều 77 đến điều 82 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đang trong quá trình ước tính một cách đáng tin cậy giá trị nghĩa vụ tái chế bao bì có thể phát sinh. Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, khoản nghĩa vụ tái chế bao bì có thể phát sinh là không trọng yếu đối với báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
(BIDIPHAR)**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Thanh May
Người lập



Đỗ Huy Phương
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc



Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
(BIDIPHAR)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)

I. BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG

Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến duy trì ở mức 2,8% trong năm 2025, tương đương với năm 2024, nhưng thấp hơn mức trung bình 3,2% giai đoạn 2010-2019. Tuy nhiên, bối cảnh địa chính trị vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn, xung đột tại một số khu vực như Ukraine và Trung Đông, cùng với chính sách tiền tệ thắt chặt tại nhiều quốc gia nhằm kiểm soát lạm phát. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, bao gồm nguồn nguyên liệu sản xuất dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Với dân số ngày càng tăng và nhu cầu chăm sóc sức khỏe cao hơn, ngành dược phẩm Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục phát triển. Bidiphar, với lợi thế là một trong những doanh nghiệp dược phẩm hàng đầu tại Việt Nam, có thể tận dụng cơ hội này để đẩy mạnh sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn cao, đầu tư vào nghiên cứu phát triển (R&D) và mở rộng danh mục sản phẩm, đặc biệt là các nhóm thuốc điều trị ung thư, thuốc kháng sinh và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe chất lượng cao. Đồng thời, công ty cần chủ động trong việc nội địa hóa nguồn nguyên liệu, tối ưu hóa chi phí sản xuất và tận dụng chính sách hỗ trợ của chính phủ để gia tăng năng lực cạnh tranh.

II. CÁC MỤC TIÊU TRỌNG TÂM NĂM 2025

Mặc dù nằm trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn các yếu tố khó lường nhưng Bidiphar đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu năm 2025 cao hơn so với kết quả đạt được năm 2024 với các hành động chính như sau:

- Tận dụng lợi thế cạnh tranh để tiếp tục phát triển thị phần và doanh thu các nhóm mặt hàng chủ lực như Thuốc ung thư, Dung dịch thẩm phân, Kháng sinh,...
- Mở rộng hệ thống phân phối, phân phối qua đa dạng kênh bán hàng (bệnh viện, nhà thuốc, chuỗi nhà thuốc, thương mại điện tử, xuất khẩu,...) nhằm nắm bắt xu hướng phát triển chung của thị trường.
- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới và cải tiến sản phẩm hiện tại để đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng và thị trường, tạo nên lợi thế cạnh tranh của Công ty và thực hiện theo tiêu chí hoạt động của Công ty là lấy chất lượng làm nền tảng.
- Tiếp tục tối ưu hóa hoạt động thông qua các chương trình mới, cách làm mới đem lại hiệu quả cao hơn với chi phí tối ưu. Tối ưu hóa vận hành, hoàn thiện mô hình hoạt động, bộ máy tổ chức của Công ty, tạo nền tảng để áp dụng các mô hình quản trị, kinh doanh mới

hiện đại, linh động và hiệu quả. Tái thiết kế các quy trình làm việc, tối ưu hóa vận hành dựa trên ứng dụng công nghệ, từ đó tối ưu chi phí nhân sự cũng như chi phí vận hành.

- Phát triển năng lực, nâng tầm lãnh đạo cấp trung thông qua các chương trình, huấn luyện “thực chiến” được thiết kế riêng cho từng cấp độ. Phát huy tinh thần dân chủ, xây dựng và rà soát lại các chế độ, chính sách thưởng thường và ghi nhận để tạo động lực phát huy năng lực tối đa của đội ngũ nhân viên.
- Tiếp tục làm giàu tài sản Thương hiệu Bidiphar, gia tăng tính tích hợp các chương trình, đẩy mạnh hiệu quả các chương trình CSR, tăng cường các biện pháp bền vững trong hoạt động kinh doanh, bao gồm giảm thiểu tác động môi trường, tăng cường trách nhiệm xã hội doanh nghiệp.

III. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

1. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% Tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	936	1.134	+21,2%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.817	2.000	+10,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	325	335	+3,07%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (bằng tiền hoặc cổ phiếu)	%	20% bằng cổ phiếu	Tối thiểu 20% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu	-

2. Kế hoạch đầu tư, mua sắm năm 2025

TT	Hạng mục đầu tư	Đã ký Hợp đồng năm 2024 (ĐVT: triệu đồng)	Kế hoạch ký Hợp đồng năm 2025 (ĐVT: triệu đồng)	Dự kiến giải ngân trong năm 2025	Ghi chú
1	Các hạng mục mua sắm thuộc 2024 còn giải ngân trong 2025	34.816	-	14.602	
2	Dự án Nhà máy sản xuất huốc vô trùng thể tích nhỏ	278.735	424.986	570.435	
3	Kế hoạch mua sắm 2025	-	50.379	50.379	
3.1	Hạng mục chuyển đổi số	-	7.493	7.493	
3.2	Phương tiện vận chuyển hàng hóa	-	9.270	9.270	
3.3	Thiết bị kiểm nghiệm	-	8.438	8.438	
3.4	Thiết bị nghiên cứu	-	6.109	6.109	
3.5	Thiết bị sản xuất	-	18.570	18.570	
3.6	Thiết bị bảo quản kho NVL	-	300	300	
3.7	Cây xanh cảnh quang nhà máy Thuốc ung thư – Chi nhánh Nhơn Hội	-	200	200	
4	Tòa nhà Văn phòng 34 Ngô Mỹ	120	56.980	45.000	
5	Xây phòng ở cho nhân viên Biomed	-	300	300	
6	Văn phòng CN Đà Nẵng	225	6.761	6.761	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ

NAM BÌNH

Thời gian ký:

03.04.2025

09:49:36 +07:00

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**
Số: 39/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar),

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán (bao gồm nhưng không giới hạn các chi nhánh của công ty kiểm toán) được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán được đề nghị dưới đây để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2025 của Bidiphar:

1. Công ty TNHH PwC (Việt Nam).
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
3. Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.
4. Công ty TNHH KPMG.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH

Thời gian ký:

03.04.2025

09:50:13 +07:00

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

V/v Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST&YOUNG Việt Nam,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2024

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2024	Phương án trình HĐĐCĐ 2025	Số tiền (VND)
I	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ năm 2024	100% LNST	100% LNST	275.181.949.187
II	Phân phối các quỹ			66.043.667.805
1	Quỹ đầu tư phát triển	10% LNST	10% LNST	27.518.194.919
2	Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	10% LNST	10% LNST	27.518.194.918
3	Thù lao HĐQT, Ban KTNB	2% LNST	2% LNST	5.503.638.984
4	Thưởng Ban điều hành	2% LNST	2% LNST	5.503.638.984
III	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các Quỹ năm 2024 (III)=(I)-(II)	-	-	209.138.281.382
IV	Chia cổ tức (bằng tiền hoặc/và cổ phiếu)	Tối thiểu 20%/vốn điều lệ	20% bằng cổ phiếu	187.107.520.000

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2024	Phương án trình ĐHĐCĐ 2025	Số tiền (VND)
V	Lợi nhuận còn lại năm 2024 (V)=(III)-(IV)	LNST còn lại	LNST còn lại	22.030.761.382

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2025

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2025
I	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ năm 2024	100% LNST
II	Phân phối các quỹ	
1	Quỹ đầu tư phát triển	10% LNST
2	Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	10% LNST
3	Thù lao HĐQT, Ban KTNB	2% LNST
4	Thưởng Ban điều hành	2% LNST
III	Chia cổ tức (bằng tiền hoặc/và cổ phiếu)	Tối thiểu 20% mệnh giá, bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu
IV	Lợi nhuận còn lại (IV)=(I)-(II)-(III)	LNST còn lại

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 nêu trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH
Thời gian ký:
03.04.2025
09:51:14 +07:00

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
Số: 41/TTr-HĐQT-DHĐCĐ2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

V/v Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024

1. Tên chứng khoán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar).
2. Mã chứng khoán	:	DBD.
3. Loại chứng khoán	:	Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng.
5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	93.593.847 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	93.553.762 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu quỹ	:	40.085 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	:	18.710.752 cổ phiếu
9. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	:	187.107.520.000 đồng
10. Tỷ lệ phát hành	:	20% số lượng cổ phiếu lưu hành
11. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	:	1.123.045.990.000 đồng
12. Mục đích phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông

13. Đối tượng phát hành	:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14. Nguồn vốn thực hiện	:	Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2024 theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.
15. Tỷ lệ thực hiện quyền	:	Tỷ lệ 100:20. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 20 cổ phiếu mới.
16. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh	:	Số cổ phiếu phát hành thêm khi chia cho các cổ đông được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ được hủy bỏ. <i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông A sở hữu 114 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 22,8 cổ phiếu (=114x20%). Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế cổ đông A được nhận là 22 cổ phiếu. Trong trường hợp này, phần lẻ (0,8 cổ phiếu) sẽ bị hủy bỏ.</i>
17. Chuyển nhượng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu	:	Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
18. Thời gian thực hiện	:	Dự kiến trong Quý II và Quý III năm 2025, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
19. Điều chỉnh đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	:	Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm để chi trả cổ tức sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi kết thúc đợt phát hành.

II. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 như sau:

1. Quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh và quy định chi tiết nội dung phương án phát cổ phiếu nêu trên và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
2. Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung (nếu có) hồ sơ phát hành cổ phiếu để nộp cho Cơ quan có thẩm quyền;
3. Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai phát hành và thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông theo quy định;
4. Thực hiện sửa đổi, bổ sung các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm sau khi hoàn tất đợt phát hành;

5. Thực hiện các thủ tục sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt phát hành theo đúng quy định của pháp luật;
6. Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Định;
7. Quyết định các vấn đề phát sinh khác có liên quan đến quá trình triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH
Thời gian ký:
03.04.2025
09:51:50 +07:00

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

V/v: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 749/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);
- Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 749/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2024;
- Nhu cầu và tình hình thực tế của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar),

Nhằm đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 749/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2024 như sau:

I. Về nội dung Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) (ESOP):

Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) sau khi được cập nhật, sửa đổi và bổ sung có nội dung như sau:

Tên chứng khoán	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar).
Mã chứng khoán	: DBD.
Loại chứng khoán	: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá	: 10.000 đồng.
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 93.553.762 cổ phiếu (<i>Bằng chữ: Chín mươi ba triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi hai cổ phiếu</i>)
Thời gian phát hành và thứ tự thực hiện các phương án phát hành	: Dự kiến trong năm 2025 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. Việc thực hiện tăng vốn theo các Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Tờ trình này, Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 tại Tờ trình số 41/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025 ngày 03/04/2025; và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại Tờ trình số 43/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025 ngày 03/04/2025 của HĐQT được thực hiện theo thứ tự như sau: 1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông. 2. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. 3. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	: 112.264.514 cổ phiếu (<i>Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm mười bốn cổ phiếu</i>).
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	: Tối đa 1.122.645 cổ phiếu (<i>Bằng chữ: Một triệu một trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm cổ phiếu</i>) nhưng không vượt quá 1% (<i>một phần trăm</i>) số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện phát hành.
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	: 11.226.450.000 đồng (<i>Bằng chữ: Mười một tỉ hai trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng</i>)
Nguyên tắc xác định giá phát hành	: HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định giá phát hành nhưng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu).
Mục đích phát hành	: Đảm bảo mang đến lợi ích và giá trị cao nhất dành cho tất cả các bên liên quan; Giữ chân và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; Tăng cường sự gắn kết, khuyến khích và tạo động lực mạnh mẽ đối với người lao động cùng đóng góp tích cực hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2025 và quá trình phát triển Công ty; Đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Công ty.
Đối tượng phát hành	: Người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) và/hoặc công ty con của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) (gọi chung là “Người lao động”).

Tiêu chuẩn Người lao động được tham gia chương trình ESOP	Người lao động thuộc ít nhất 01 (một) trong 02 (hai) đối tượng sau: 1. Người lao động là thành viên Ban Điều hành (bao gồm các thành viên Ban Điều hành đồng thời là thành viên HĐQT) hoặc các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm (nhưng không bao gồm các thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh khác); 2. Người lao động giữ các chức danh quản lý (gồm Trưởng/phó bộ phận hoặc tương đương), chuyên gia cấp cao tại Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây: a. Có thời gian ký Hợp đồng lao động với Công ty ít nhất 02 năm tính đến thời điểm lập danh sách; b. Đảm nhận vị trí quản lý trong giai đoạn 2020-2024; c. Đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty giai đoạn 2020 – 2024: đảm nhận hoặc chịu trách nhiệm chính trong việc tạo ra hiệu quả của Công ty (có KPIs cá nhân liên quan trực tiếp KPIs toàn Công ty); hoặc Có các ý tưởng, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, v.v giúp Công ty đạt được các mục tiêu đã đặt ra; hoặc Có năng lực, triển vọng để tham gia thực hiện các mục tiêu định hướng chiến lược của Công ty giai đoạn 2025 – 2030; d. Có khả năng gắn bó lâu dài với Công ty và cam kết thực hiện Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động của Công ty do HĐQT ban hành. Trong trường hợp quy định pháp luật về thẩm quyền quyết định Tiêu chuẩn Người lao động tham gia chương trình ESOP được áp dụng tại thời điểm triển khai thực hiện việc tăng vốn cho phép, ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT được quyết định sửa đổi, bổ sung các Tiêu chuẩn Người lao động được tham gia chương trình ESOP trên đây theo hướng tối đa hoá lợi ích cho cổ đông và Người lao động, nhưng phải đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật hiện hành.
Điều kiện hạn chế chuyển nhượng	Toàn bộ số phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) bị hạn chế chuyển nhượng 04 (bốn) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
Điều khoản mua lại cổ phiếu và bán ra số cổ phiếu mua lại	Được quy định cụ thể tại Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar). ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định Điều khoản mua lại cổ phiếu và bán ra số cổ phiếu mua lại đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm thực hiện.

II. Về tổ chức thực hiện

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện Phương án phát hành nêu trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thống nhất giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc như sau:

- a) Quyết định giá phát hành nhưng mọi trường hợp phải đảm bảo không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu);
- b) Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành cụ thể nhưng mọi trường hợp không vượt quá 1% (một phần trăm) số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện phát hành;
- c) Quyết định lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);
- d) Trong trường hợp quy định pháp luật về thẩm quyền quyết định Tiêu chuẩn Người lao động tham gia chương trình ESOP được áp dụng tại thời điểm triển khai thực hiện cho phép, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được quyết định sửa đổi, bổ sung các Tiêu chuẩn Người lao động được tham gia chương trình ESOP trên đây theo hướng tối đa hoá lợi ích cho cổ đông và Người lao động, nhưng phải đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật hiện hành;
- e) Quyết định xử lý cổ phiếu không phân phối hết, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) cho đối tượng khác là Người lao động đáp ứng các tiêu chuẩn xét chọn người lao động được quyền mua cổ phiếu ESOP đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- f) Quyết định thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong trường hợp phát hành cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài;
- g) Quyết định xây dựng, ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar); Quyết định tiêu chí cụ thể, danh sách, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và số lượng cổ phần Người lao động được tham gia chương trình và nguyên tắc làm tròn khi phân phối cổ phiếu cho Người lao động; Quyết định điều khoản thu hồi cổ phiếu và bán ra số cổ phiếu bị thu hồi;
- h) Quyết định bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và giải trình toàn bộ các vấn đề, nội dung của phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) (bao gồm các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và ký kết các văn bản liên quan để thực hiện việc tăng vốn theo đúng quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ;
- i) Quyết định sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- j) Thực hiện các thủ tục sửa đổi đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt phát hành theo đúng quy định của pháp luật;
- k) Giao HĐQT cân nhắc, lựa chọn đơn vị tư vấn (nếu cần thiết), chủ động triển khai các công việc liên quan đến việc phát hành phù hợp với các quy định của pháp luật;
- l) Quyết định các nội dung khác phát sinh để hoàn tất việc thực hiện tăng vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH

Thời gian ký:

03.04.2025

09:52:38 +07:00

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

V/v Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng khoán”);
- Điều lệ Công ty của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);
- Nhu cầu và tình hình thực tế của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar),

Trong năm 2024 và cho đến hiện nay, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) đã và đang làm việc với các nhà đầu tư theo các tiêu chí đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 ủy quyền theo Nghị quyết số 749/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024.

HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua: tiếp tục thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với nội dung như sau:

- Tên cổ phiếu chào bán:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).
- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán:** DBD
- Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Loại tiền chào bán:** Đồng Việt Nam (VND).
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:** 93.553.762 cổ phiếu (*Bằng chữ: Chín mươi ba triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi hai cổ phiếu*).
- Vốn điều lệ hiện tại:** 935.938.470.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm ba mươi lăm tỷ chín trăm ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng*).
- Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 23.300.000 cổ phiếu (*Bằng chữ: Hai mươi ba triệu ba trăm cổ phiếu*).
- Tổng giá trị dự kiến chào bán (theo mệnh giá):** 233.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba tỷ đồng*).
- Hình thức chào bán:** Chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
- Phương thức chào bán:** Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

12. Phương án phát hành cụ thể:

- **Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán riêng lẻ:** 23.300.000 cổ phiếu.
- **Nguyên tắc xác định giá chào bán:** Giá chào bán cụ thể được HĐQT xác định theo thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư nhưng không thấp hơn 50.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành/tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 24,91%.**
Tỷ lệ cổ phiếu chào bán thêm nêu trên được tính toán lại theo số lượng cổ phiếu thực tế đang lưu hành tại thời điểm thực hiện chào bán.
- **Mục đích phát hành:** Bổ sung nguồn vốn đầu tư của Công ty để thực hiện hoạt động đầu tư cho 02 Dự án đã được ĐHĐCĐ thông qua (i) Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ, và (ii) Dự án Nhà máy OSD Non-Betalactam.
- **Đối tượng phát hành:** Là tổ chức trong và/hoặc ngoài nước đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật Chứng khoán.
- **Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư:**
 - Là tổ chức trong và/hoặc ngoài nước đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật Chứng khoán;
 - Có tiềm lực tài chính, cam kết đồng hành, hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị và tài chính để phát triển Công ty và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
- **Số lượng nhà đầu tư:** Tối đa 05 (năm) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
Ủy quyền cho HĐQT quyết định danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được chào bán đảm bảo đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua và quyết định số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Số cổ phiếu chào bán riêng lẻ nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
- **Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết:** Số cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư không phân phối hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá được xác định tại nguyên tắc xác định giá chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua. Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Việc lựa chọn đối tượng được mua đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán. Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn lại không phân phối hết sẽ được hủy bỏ. Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu thực tế phát hành.

13. Thời gian dự kiến phát hành:

Dự kiến thực hiện trong năm 2025-2026, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Đợt phát hành riêng lẻ trên sẽ được thực hiện sau khi Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) hoàn tất quá trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo nội dung tại Tờ trình số 41/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025 ngày 03/04/2025 và hoàn tất Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Tờ trình số 42/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025 ngày 03/04/2025.

14. **Đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung:** Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thêm thành công sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung theo đúng quy định của pháp luật.
15. **Chào mua công khai:** Trường hợp tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ dẫn đến tỷ lệ sở hữu của đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại khoản 1 điều 35 Luật Chứng khoán thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
16. **Phương án sử dụng vốn:** Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty dùng để bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động đầu tư 02 Dự án theo thứ tự ưu tiên là:
- **(1) Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ, tổng dự toán 840.000.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi tỷ đồng) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 490/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023; và**
 - **(2) Dự án Nhà máy OSD Non-Betalactam, tổng dự toán 870.000.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi tỷ đồng) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 749/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024.**
- Ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết, phân bổ và luân chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào các dự án nêu trên, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ.
17. **Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án:** Công ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc vay ngân hàng hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện mục đích sử dụng vốn nêu trên.
18. **Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ trên bản Điều lệ Công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định sau khi có Thông báo bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
19. **Ủy quyền cho Hội đồng quản trị**
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT triển khai các công việc liên quan đến việc phát hành như sau:
- 1) Lựa chọn thời điểm thích hợp và tổ chức thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai thực hiện phương án chào bán theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.
 - 2) Lựa chọn và quyết định thông qua danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu, số lượng cổ phiếu và giá chào bán cho từng nhà đầu tư đáp ứng tiêu chí lựa chọn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, các Nhà đầu tư không phải là đối tượng bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo khoản 3 điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và theo quy định pháp luật liên quan.
 - 3) Quyết định xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp của nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu.
 - 4) Quyết định thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
 - 5) Quyết định thay đổi tỷ lệ chào bán căn cứ vốn điều lệ thực tế tại thời điểm chào bán.
 - 6) Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn

thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- 7) Cân đối và phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho hoạt động đầu tư 02 Dự án theo thứ tự ưu tiên là (1) Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ, và (2) Dự án Nhà máy OSD Non-Betalactam theo tình hình thực tế và hợp lý, đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.
- 8) Căn cứ theo nguồn vốn thực tế thu được và tình hình thực tế của Công ty, chủ động triển khai các phương án bù đắp phần thiếu hụt để đầu tư các dự án trong trường hợp cần thiết.
- 9) Quyết định phương án xử lý đối với số cổ phiếu không phân phối hết trong đợt chào bán theo các nguyên tắc nêu trên.
- 10) Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ sau khi có Thông báo bằng văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- 11) Thực hiện sửa đổi Điều lệ Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi có Thông báo bằng văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- 12) Thực hiện đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.
- 13) Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung đối với số cổ phiếu chào bán thành công theo đúng quy định của pháp luật.
- 14) Thực hiện các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký Chứng khoán, Sở giao dịch Chứng khoán.
- 15) Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, HĐQT ủy quyền cho HĐQT bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án chào bán theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo việc thực hiện Phương án chào bán hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông và Công ty.
- 16) Các vấn đề khác có liên quan đến phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH

Thời gian ký:

03.04.2025

09:53:18 +07:00

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**
Số: 44/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar).

Nhằm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật chứng khoán 54/2019/QH14 và Hệ thống quản trị hiện hành của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua bản Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung (Phụ lục 02 đính kèm).

Để thuận tiện trong việc xem xét các nội dung sửa đổi, bổ sung nổi bật, Hội đồng quản trị đính kèm tại Phụ lục 01 Tờ trình này Bảng tham chiếu các điều khoản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH
Thời gian ký:
03.04.2025
09:53:58 +07:00

PHỤ LỤC 01. BẢNG THAM CHIẾU CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm theo Tờ trình số 44/TTr- HDQT-DHĐCD2025 ngày 03/04/2025)

Stt	Điều khoản trong Điều lệ hiện hành	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do đề xuất và quy định liên quan
1	Điều 3	Điều 3 tại Điều lệ hiện hành thiếu nội dung quy định quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.	Bổ sung khoản 2 quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau: “Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: a. Đại diện cho Công ty xác lập giao dịch; thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. b. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.”	Bổ sung nội dung này để phù hợp với Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định của pháp luật liên quan.
2	Điều 12, Điều 20, Điều 43	Điều 12, Điều 20 và Điều 43 có các nội dung quy định liên quan đến Ban kiểm soát.	Bỏ các nội dung liên quan đến Ban kiểm soát vì Công ty theo mô hình quy định có Ủy ban kiểm toán, không có Ban kiểm soát tại điểm b khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp: “Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc”.	Sửa đổi để các quy định tại Điều lệ phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.
3	Điểm h Khoản 2 Điều 27	Điểm h Khoản 2 Điều 27 quy định về Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị quy định như sau: “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;”	Sửa đổi Điểm h Khoản 2 Điều 27 quy định về Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại điểm h, khoản 2, điều 153 Luật doanh nghiệp như sau: “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;”	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điểm h, Khoản 2, Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

Stt	Điều khoản trong Điều lệ hiện hành	Nội dung hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Lý do đề xuất và quy định liên quan
4	Khoản 1 Điều 21	Khoản 1 Điều 21 quy định các trường hợp phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp như sau: “a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; d) Tổ chức lại, giải thể Công ty; e) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty.”	Bổ sung thêm trường hợp: “Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty” theo đúng quy định tại điểm c, khoản 1, điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung nội dung này để phù hợp với Điểm c, Khoản 1, Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý: Nội dung nêu tại Bảng tham chiếu này là những nội dung thay đổi nổi bật so với Điều lệ hiện hành để Quý cổ đông tiện theo dõi. Ngoài ra, còn có khác nội dung khác sửa đổi mang tính kỹ thuật để phù hợp với Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông, chi tiết xin vui lòng xem Dự thảo Điều lệ tại Phụ lục 02.

PHỤ LỤC 02. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm theo Tờ trình số 44/TTr- HĐQT-DHĐCD2025 ngày 03/04/2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y
TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

Bình Định, tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

<u>PHẦN MỞ ĐẦU</u>	1
<u>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</u>	1
<u>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</u>	1
<u>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRU SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</u>	2
<u>Điều 2. Tên, hình thức, tru sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</u>	2
<u>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>	2
<u>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</u>	3
<u>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</u>	3
<u>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</u>	6
<u>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</u>	7
<u>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</u>	7
<u>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</u>	7
<u>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</u>	8
<u>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</u>	8
<u>Điều 10. Thu hồi cổ phần</u>	8
<u>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</u>	9
<u>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</u>	9
<u>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	9
<u>Điều 12. Quyền của cổ đông</u>	9
<u>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</u>	11
<u>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</u>	11
<u>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u>	13
<u>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>	14
<u>Điều 17. Thay đổi các quyền</u>	15
<u>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>	16
<u>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u>	17
<u>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>	17
<u>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</u>	19
<u>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u>	20
<u>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u>	22

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
VII. <u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	29
VIII. <u>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u>	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 34. Người điều hành Công ty	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	31
IX. <u>ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	31
Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	32
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	32
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	32
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	33
X. <u>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u>	33
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
XI. <u>QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u>	35
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	35
XII. <u>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</u>	36
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	36
XIII. <u>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</u>	36
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	36
XIV. <u>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</u>	37
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 47. Năm tài chính	37
Điều 48. Chế độ kế toán	37

<u>XV. BẢO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</u>	37
<u>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</u>	37
<u>Điều 50. Báo cáo thường niên</u>	38
<u>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</u>	38
<u>Điều 51. Kiểm toán</u>	38
<u>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</u>	38
<u>Điều 52. Dấu của doanh nghiệp</u>	38
<u>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</u>	38
<u>Điều 53. Giải thể công ty</u>	38
<u>Điều 54. Gia hạn hoạt động</u>	39
<u>Điều 55. Thanh lý</u>	39
<u>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</u>	40
<u>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</u>	40
<u>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</u>	40
<u>Điều 57. Điều lệ công ty</u>	40
<u>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</u>	40
<u>Điều 58. Ngày hiệu lực</u>	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: []/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
 - i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**

b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài

**BINH DINH PHARMACEUTICAL AND MEDICAL EQUIPMENT
JOINT STOCK COMPANY**

c) Tên Công ty viết tắt:

BIDIPHAR

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty

a) Địa chỉ trụ sở chính: 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

b) Điện thoại: 0256. 3846500 - 3846040 - 3847798

c) Fax: 0256. 3846846

d) E-mail: info@bidiphar.com

e) Website: www.bidiphar.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật: Tổng giám đốc;

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

c. Đại diện cho Công ty xác lập giao dịch và thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự,

nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Sst	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa dược và dược liệu.	2100 (Chính)
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm do chính công ty sản xuất; Xuất khẩu dược liệu, dược phẩm theo qui định của Bộ Y tế; Nhập khẩu thành phẩm dược phẩm, mỹ phẩm; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng mỹ phẩm.	4649
3.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dược liệu do chính công ty sản xuất; Bán lẻ vật tư y tế, khẩu trang y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe; chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực y tế và gia dụng trừ các nhóm hàng thuộc danh mục Dự trữ quốc gia theo Nghị định số 56/2021/NĐ-CP ngày 31/05/2021 của Chính Phủ.	4772
4.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.	1050
5.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I ốt; Sản xuất thực phẩm từ thảo dược thiên nhiên, nước uống từ dược liệu; Sản xuất các loại trà thảo dược; Sản xuất, khai thác, chế biến mật ong.	1079
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng (trừ gạo, đường mía, đường củ cải); Bán buôn trà thảo dược và các loại trà khác; Bán buôn mật ong và các sản phẩm của con ong. Bán buôn thực phẩm khác.	4632
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược và các ngành khoa học kỹ thuật khác, trang thiết bị, dụng cụ sử dụng cho các phòng thí	4659

Sst	Tên ngành	Mã ngành
	nghiệm (lý-hóa-sinh) trừ các nhóm hàng thuộc danh mục Dự trữ quốc gia theo Nghị định số 56/2021/NĐ-CP ngày 31/05/2021 của Chính Phủ.	
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu thuốc thú y; Xuất nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu làm thuốc cho người khi được Bộ Y Tế và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép (Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc không bao gồm việc thực hiện các hoạt động liên quan trực tiếp đến phân phối nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam, trừ nguyên liệu làm thuốc do chính Công ty tự sản xuất tại Việt Nam); Kinh doanh, xuất nhập khẩu hóa chất xét nghiệm, vắc xin, sinh phẩm dung cho người, các loại bao bì sản xuất trong lĩnh vực y, dược, thực phẩm, mỹ phẩm; Bán buôn, xuất nhập khẩu hóa chất công nghiệp, hóa chất tẩy rửa, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn; Thực phẩm chức năng. Ngoại trừ các hóa chất không được kinh doanh, bán buôn, bán lẻ theo Phụ lục 2 Luật Đầu tư 2014 và hóa chất bị cấm phân phối, xuất khẩu theo TT 34/2013/TT-BCT) Công ty không làm dịch vụ phân phối được phẩm bên thứ ba tại thị trường Việt Nam.	4669
9.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát.	1104
10.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton.	1702
11.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh Chi tiết: Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng.	2310
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải nội bộ bằng đường bộ để phục vụ hoạt động sản xuất của công ty.	4933
13.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua trên đất được Nhà nước cho thuê; Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua trên đất được Nhà nước giao.	6810
14.	Sửa chữa máy móc thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm.	3312
15.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao sản phẩm mới trong lĩnh vực dược phẩm.	7490

Stt	Tên ngành	Mã ngành
16.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu kho và dịch vụ kho bãi (không bao gồm cho thuê kho, bãi)	5210
17.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán có màn hình hiển thị, thiết bị đo lường và xét nghiệm, thiết bị phòng thí nghiệm, thiết bị ra đa và hoặc định vị vật dưới nước bằng siêu âm hoặc siêu âm.	3313
18.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
19.	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
20.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
21.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;	4322
22.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công điện, điện lạnh	3290
23.	Trồng cây cao su	0125
24.	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hóa chất công nghiệp, hóa chất tẩy rửa, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; sản xuất tinh dầu tự nhiên	2029
25.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
26.	Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp Chi tiết: Trồng trọt, chăn nuôi (không chăn nuôi tại trụ sở, không bao gồm dịch vụ chăn nuôi và phát triển nguồn giống)	0150
27.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
28.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu nước tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên và nước uống từ dược liệu, đồ uống không cồn	4633
29.	Sản xuất rượu vang	1102
30.	Chăn nuôi khác Chi tiết: Đầu tư nuôi ong lấy mật	0149
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ mật ong và các sản phẩm của con ong	4722
32.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối theo thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương.	4620

Sst	Tên ngành	Mã ngành
33.	Nhân và chăm sóc giống cây lâu năm	0132
34.	Nhân và chăm sóc giống cây hàng năm	0131
35.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
36.	Trồng cây ăn quả	0121
37.	Trồng cây hàng năm khác	0119
38.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng nông, lâm sản; Bán lẻ hoa, cây cảnh (ngoại trừ các hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo phụ lục 3 ban hành kèm theo thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương).	4773
39.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm	4781
40.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ kiểm nghiệm nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.	7120
41.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ bảo quản thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm; Dịch vụ tư vấn, quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.	8699
42.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic	2220
43.	Hoạt động phải bảo đảm điều kiện, Giấy phép Kinh doanh theo quy định	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để tập hợp nhiều nguồn lực của các bên tham gia góp vốn, sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút và tạo việc làm ổn định cho người lao động tại địa phương, tiết kiệm chi phí nhằm tối đa hóa các nguồn lợi nhuận, tăng cổ tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **935.938.470.000** đồng (Bằng chữ: Chín trăm ba mươi lăm tỷ chín trăm ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 93.593.847 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
Khi có sự thay đổi vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì điều khoản này sẽ được sửa đổi theo nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đó.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

- a. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
- b. Thông báo thanh toán nêu trên có thời hạn thanh toán tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- c. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
- d. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- e. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối

với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

- f. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp).
3. Tổng giám đốc

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất

thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - g) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

- h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - i) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - j) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - k) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - l) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - n) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - q) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - r) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phthur bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị

phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được

thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp:
 - a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Định hướng phát triển công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;

- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người kiểm phiếu và Người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu

trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị bao gồm: thành viên ủy ban/tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty và các chức danh khác do Hội đồng quản trị xét thấy cần bổ nhiệm bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị tùy theo từng thời kỳ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định chấm dứt hoạt động của công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện.
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 10 Điều này;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa

số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản

trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm con dấu vật lý và dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2025 tại địa chỉ 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Họ, tên, chữ ký)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**

Số: 45/TTTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) năm 2023;

Nhằm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật chứng khoán 54/2019/QH14 và Hệ thống quản trị hiện hành của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung (Phụ lục 01 đính kèm).

Sau khi xem xét, rà soát lại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và hệ thống quản trị hiện hành của Công ty, Hội đồng quản trị đề xuất sửa đổi hầu hết nội dung cũng như cấu trúc của Quy chế này, do đó, không lập Bảng tham chiếu sửa đổi đính kèm Tờ trình.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Quý Cổ đông xem xét, thông qua Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (năm 2025) đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH

Thời gian ký:

03.04.2025

09:55:35 +07:00

PHỤ LỤC 01. DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Đính kèm theo Tờ trình số 45/TTr- HDQT-DHĐCD2025 ngày 03/04/2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ
Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**

Bình Định, tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

<u>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</u>	1
<u>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</u>	1
<u>Điều 2. Giải thích từ ngữ</u>	1
<u>Điều 3. Quy định chung</u>	1
<u>CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	2
<u>Điều 4. Quyền của Cổ đông</u>	2
<u>Điều 5. Bảo đảm quyền lợi của Cổ đông</u>	2
<u>Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u>	2
<u>Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>	3
<u>Điều 8. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>	4
<u>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	7
<u>Điều 9. Hội đồng quản trị</u>	7
<u>Điều 10. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị</u>	7
<u>Điều 11. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</u>	8
<u>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</u>	9
<u>Điều 13. Trình tự, tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị</u>	9
<u>Điều 14. Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và thù lao của Hội đồng quản trị</u>	10
<u>CHƯƠNG IV. ỦY BAN KIỂM TOÁN</u>	11
<u>Điều 15. Ủy ban kiểm toán</u>	11
<u>Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</u>	11
<u>Điều 17. Thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán</u>	11
<u>Điều 18. Tổ chức cuộc họp Ủy ban kiểm toán</u>	11
<u>Điều 19. Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u>	11
<u>Điều 20. Chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán</u>	12
<u>CHƯƠNG V. CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	12
<u>Điều 21. Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và Ngân sách hoạt động của các Tiểu ban</u>	12
<u>CHƯƠNG VI. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</u>	13
<u>Điều 22. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</u>	13
<u>Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty</u>	13
<u>CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</u>	14
<u>Điều 24. Nguyên tắc phối hợp hoạt động quản lý, điều hành, giám sát</u>	14

<u>CHƯƠNG VIII. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ NỘI DUNG KHÁC</u>	15
<u>Điều 25. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp</u>	15
<u>Điều 26. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác</u>	15
<u>Điều 27. Người có liên quan và kiểm soát giao dịch với Người có liên quan</u>	16
<u>Điều 28. Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của Người có quyền lợi liên quan</u>	16
<u>CHƯƠNG IX. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ CÁC BỘ PHẬN/CHỨC DANH THỰC HIỆN CHỨC DANH THAM MƯU, GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	17
<u>Điều 29. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và các bộ phận/chức danh thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị</u>	17
<u>Điều 30. Phân bổ thù lao, khen thưởng và kỷ luật</u>	17
<u>CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN</u>	18
<u>Điều 31. Công bố thông tin thường xuyên</u>	18
<u>Điều 32. Công bố thông tin về quản trị công ty</u>	18
<u>CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</u>	19
<u>Điều 33. Điều khoản thi hành</u>	19

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định:
 - a. Những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;
 - b. Các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - c. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều 1 Điều lệ công ty sẽ có ý nghĩa tương tự trong Quy chế này.
2. “Quản trị Công ty” có nghĩa là hệ thống các quy tắc để bảo đảm Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và Người có liên quan. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
 - a. Bảo đảm một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - b. Bảo đảm quyền lợi của Cổ đông;
 - c. Đối xử công bằng giữa các Cổ đông;
 - d. Bảo đảm vai trò của Người có quyền lợi liên quan;
 - e. Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - f. Hội đồng quản trị lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
3. “Quy chế này” có nghĩa là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;

Điều 3. Quy định chung

1. Các tiêu đề của từng chương, điều, khoản của Quy chế này chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung của các điều khoản trong Quy chế này;
2. Trong Quy chế này, bất kỳ một tham chiếu đến bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những quy định hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền của Cổ đông

Cổ đông của Công ty có đầy đủ các quyền quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Điều 5. Bảo đảm quyền lợi của Cổ đông

1. Công ty luôn hướng đến mục tiêu bảo đảm quyền lợi chính đáng của tất cả Cổ đông, không phân biệt tổ chức, cá nhân, quốc tịch.
2. Tất cả quyền lợi hợp pháp của Cổ đông theo các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này được thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp tôn trọng thực hiện.

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Một số nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông tại **Điều 15 Điều lệ Công ty** được diễn giải như sau:

1. Điểm a khoản 1: ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ *Thông qua định hướng phát triển của Công ty*, nghĩa là:
 - a. Thông qua Định hướng hoạt động và định hướng cấu trúc của Công ty;
 - b. Thông qua Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh và những ngành nghề cốt lõi mà Công ty chú trọng phát triển;
 - c. Thông qua Chiến lược phát triển trong vòng 05 năm của Công ty.
2. Điểm h Khoản 1: ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ *Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty*, nghĩa là xem xét, xử lý các hành vi vi phạm:
 - a. Ban hành các Nghị quyết hoặc đưa ra các quyết định vượt quá thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Thực hiện các công việc được giao một cách thiếu cẩn trọng, thiếu trung thực, không vì lợi ích cao nhất của Công ty và/hoặc vi phạm các quy định của pháp luật;
 - c. Không hoàn thành các nhiệm vụ được giao gây thiệt hại cho Công ty;
 - d. Vi phạm các quy định về chống xung đột lợi ích của Công ty. Các thiệt hại bao gồm nhưng không giới hạn các thiệt hại liên quan đến tài sản, uy tín, danh dự và hình ảnh của Công ty.
 - e. Các vi phạm khác mà ĐHĐCĐ xét thấy cần thiết xem xét, xử lý.
3. Điểm a Khoản 2: ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua *Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty*, nghĩa là thảo luận và thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trước thuế (hợp nhất) và tỉ lệ chia cổ tức của Công ty.
4. Điểm c Khoản 2: ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua *Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị*, nghĩa là thảo luận và thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung sau:

- a. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác trong năm của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Các cuộc họp và các Nghị quyết/Quyết định trong năm của Hội đồng quản trị.
 - d. Đánh giá hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
 - e. Đánh giá hoạt động năm của Tổng Giám đốc và Ban điều hành;
 - f. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm;
 - g. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo.
5. Điểm c Khoản 2: ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua *Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị*, nghĩa là thảo luận và thông qua Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT với các nội dung sau:
- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Bidiphar, Công ty con của Bidiphar, Công ty do Bidiphar nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Bidiphar và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Bidiphar với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Bidiphar là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;
 - f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác;
 - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau:
 - a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

- g. Điều kiện tiến hành cuộc họp;
 - h. Cách thức tổ chức cuộc họp;
 - i. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - j. Lập Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - k. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - l. Công bố thông tin Nghị quyết và Biên bản của Đại hội đồng cổ đông;
 - m. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;
 - n. Các vấn đề khác.
2. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Hằng năm, Công ty phải tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
4. Khi xét thấy cần thiết, Công ty áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết họp trực tuyến theo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết họp trực tuyến, Hội đồng quản trị phải ban hành Quy chế tổ chức họp và biểu quyết tương ứng. Hội đồng quản trị có quyền quyết định lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ họp trực tuyến phù hợp để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các phương thức trực tuyến nêu trên.

Điều 8. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Hội đồng quản trị;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
2. Thông báo chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Công ty phải gửi Thông báo cho Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về ngày đăng ký cuối cùng để chốt Danh sách người sở hữu chứng khoán.
 - b. Danh sách Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo các quy định tại Khoản 3, Điều 18 Điều lệ Công ty.
4. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - c. Trường hợp người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập cuộc họp chỉ được từ chối kiến nghị trong trường hợp:
 - (i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này;
 - (ii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (iii) Trường hợp khác nêu Điều lệ Công ty hoặc pháp luật quy định.
 - d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này vào chương trình dự kiến và nội dung cuộc họp trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.
6. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp theo cách thức đã ghi trong Thông báo mời họp, bao gồm:
 - (i) Đăng ký dự họp qua thư điện tử, fax;
 - (ii) Ủy quyền đại diện tham dự cuộc họp. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức bắt buộc phải có Ủy quyền tham dự cuộc họp hợp lệ. Trường hợp 01 cổ đông có nhiều hơn 01 Người đại diện theo ủy quyền thì Ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi Người đại diện, trường hợp không xác định thì số cổ phần được chia đều cho những Người đại diện.
 - (iii) Các hình thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khác do Hội đồng quản trị quy định.
 - b. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và thực hiện cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đã đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên

của Cổ đông, họ và tên người đại diện được ủy quyền dự họp và số Cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông đó.

- c. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký dự họp ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
7. Cách thức bỏ phiếu: Hình thức phiếu bầu, cách thức bỏ phiếu cho mỗi vấn đề được quy định tại Quy chế làm việc tại cuộc họp được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bắt đầu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Cách thức kiểm phiếu:
 - a. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa trước khi bắt đầu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của Ban kiểm phiếu không ít hơn 03 người. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu.
 - b. Việc kiểm phiếu được thực hiện theo các quy định tại Quy chế làm việc tại cuộc họp và tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty. Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành Biên bản kiểm phiếu có đầy đủ chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu phải được niêm phong và chuyển cho Thư ký Công ty sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề bỏ phiếu sẽ được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu thông báo công khai và ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã tiến hành kiểm phiếu.
10. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo các quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.
11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo Điều 24 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần bảo đảm sự cân đối giữa các thành viên Hội đồng quản trị điều hành, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban kiểm toán và các Tiểu ban để giúp việc, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và các Cổ đông về việc quản lý Công ty; bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của những Người có quyền lợi liên quan.
2. Công ty quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị; thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 11 Quy chế này, bao gồm các nội dung chính sau:
 - (i) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
 - (ii) Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;
 - (iii) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - (iv) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - (v) Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 13 Quy chế này, bao gồm các nội dung chính sau:
 - (i) Thông báo cuộc họp Hội đồng quản trị, bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu biểu quyết (nếu có);
 - (ii) Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - (iii) Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - (iv) Cách thức thông qua Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (v) Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - (vi) Thông báo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

- c. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc bao gồm các nội dung chính sau, nội dung này sẽ được quy định chi tiết hơn trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:
- (i) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
 - (ii) Thông báo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;
 - (iii) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - (iv) Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định và các vấn đề ủy quyền và phân quyền của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;
 - (v) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị;
 - (vi) Hoạt động kiểm soát và giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.
3. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Điều 14 Quy chế này.
5. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền hoặc phân quyền trong các Nghị quyết/Quyết định hoặc Quy chế/Quy định của Hội đồng quản trị. Nội dung này sẽ được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 11. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải bảo đảm thỏa mãn tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.
2. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông gộp số Cổ phần có quyền biểu quyết đề cử các ứng viên phải gửi thông báo về việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị đến Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Thư ký Công ty tối thiểu **15** ngày trước ngày tổ chức cuộc họp. Thông báo phải có thông tin Cổ đông, tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết đang nắm giữ, họ và tên ứng viên được đề cử và kèm theo thông tin liên quan đến ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo Khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.
3. Thông tin liên quan đến các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị được công bố theo quy định tại Khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên trước khi bỏ phiếu.

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Quy trình thực hiện phải theo Quy chế làm việc tại cuộc họp được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.
6. Công ty công bố thông tin về việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết/Quyết định, các Quy định/Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, bảo mật thông tin và vì quyền lợi tối cao của Cổ đông và Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty và có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của Công ty

Điều 13. Trình tự, tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Cuộc họp Hội đồng quản trị:
 - a. Trường hợp Hội đồng quản trị có thành viên được bầu bổ sung thì Hội đồng quản trị phải tổ chức cuộc họp trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc bầu cử. Cuộc họp này do Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm triệu tập. Trường hợp Chủ tịch hết nhiệm kỳ thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đề nghị theo khoản 3, 4, 5 điều 30 Điều lệ Công ty có thẩm quyền triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.
3. Thông báo cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị theo Khoản 6, Điều 30 Điều lệ Công ty.
4. Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định tại Khoản 7, Điều 30 Điều lệ Công ty.
5. Các hình thức tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị:
 - a. Họp trực tiếp;
 - b. Họp trực tuyến;
 - c. Họp trực tuyến kết hợp trực tiếp;

- d. Lấy ý kiến biểu quyết trên nền tảng trực tuyến;
- 6. Cách thức biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện như sau.
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền sẽ có 01 Phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó có lợi ích liên quan. Thành viên đó vẫn được tính vào số lượng dự họp trong điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết này phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc và được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 7. Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo Khoản 11, Điều 30 Điều lệ Công ty.
- 8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình hoặc lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết, rõ ràng và phải ánh đúng nội dung và diễn biến cuộc họp. Chủ tọa và Người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản cuộc họp. Biên bản họp và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được Thư ký Công ty lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 14. Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và thù lao của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị quyết định tổng ngân sách hoạt động hằng năm, trong đó bao gồm ngân sách hoạt động cho các Ủy ban/Tiểu ban trực thuộc. Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ được tính vào chi phí hoạt động của Công ty.
- 2. Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt thù lao cho Hội đồng quản trị.
- 3. Hội đồng quản trị quyết định việc sử dụng và phân bổ tổng ngân sách đã được phê duyệt.

CHƯƠNG IV. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 15. Ủy ban kiểm toán

Cơ cấu Ủy ban kiểm toán; Tiêu chuẩn và việc bầu Chủ tịch Ủy ban kiểm toán thực hiện theo các quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác được quy định trong Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 17. Thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán do Chủ tịch Hội đồng quản trị đề xuất và phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được lập biên bản, ban hành nghị quyết/quyết định và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 18. Tổ chức cuộc họp Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán tổ chức cuộc họp theo Điều 39 Điều lệ Công ty và theo Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Hình thức họp do Chủ tịch Ủy ban kiểm toán quyết định. Ủy ban kiểm toán có quyền và phải báo trước 05 ngày làm việc để mời Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác tham dự cuộc họp và báo cáo, giải trình những nội dung do Ủy ban kiểm toán yêu cầu tại cuộc họp. Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp được tham gia thảo luận, góp ý vào các nội dung cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 19. Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.
2. Các báo cáo của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty phải được gửi cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc 30 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 20. Chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán

1. Thành viên Ủy ban kiểm toán được hưởng thù lao, lợi ích và thanh toán các khoản chi phí hoạt động theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán, tiền lương, phụ cấp, ... của nhân sự khác trong Ủy ban kiểm toán được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

CHƯƠNG V. CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Điều 21. Các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị và Ngân sách hoạt động của các Tiểu ban**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban hỗ trợ Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của các Tiểu ban được quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Tiểu ban (nếu có) và các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Ngân sách hoạt động của các Tiểu ban sẽ do Hội đồng quản trị quyết định bằng Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 22. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị lựa chọn Người phụ trách quản trị Công ty trong số các ứng viên do thành viên Hội đồng quản trị giới thiệu, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty. Hồ sơ cá nhân phải được gửi cho Hội đồng quản trị ít nhất 03 ngày trước ngày họp để lựa chọn Người phụ trách quản trị Công ty.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bằng Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bằng Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và không trái với các quy định của pháp luật về lao động. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn làm Người phụ trách quản trị Công ty;
 - b. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; hoặc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng 3 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty;
 - d. Gửi đơn từ nhiệm bằng văn bản đến Hội đồng quản trị và được chấp thuận;
 - e. Khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết và được thông qua bằng Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Công ty phải công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo khoản 3, Điều 32 Điều lệ Công ty và Quy chế này; các quyền và nghĩa vụ khác do Hội đồng quản trị quyết định khi bổ nhiệm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được ủy quyền cho người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 24. Nguyên tắc phối hợp hoạt động quản lý, điều hành, giám sát

1. Hội đồng quản trị quản lý Công ty; chỉ đạo, kiểm soát và giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp. Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động hằng ngày của Công ty. Việc quản lý, điều hành và kiểm soát được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế/Quy định khác do Hội đồng quản trị ban hành.
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, các Tiểu ban của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không can thiệp và gây cản trở công tác điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp trừ trường hợp khi Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp ra quyết định hay ký bất kỳ văn bản nào vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế/Quy định khác do Hội đồng quản trị ban hành.

Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp đình chỉ thi hành/hủy bỏ/ban hành văn bản thay thế văn bản vi phạm. Nếu Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp không thi hành thì Hội đồng quản trị có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị để xem xét trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và xem xét tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu hành động của Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp gây thiệt hại cho Công ty.

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị đã được ban hành có tính chất thi hành bắt buộc đối với Ủy ban kiểm toán, các Tiểu ban, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp. Khi không đồng ý hoặc không thực hiện Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, các Tiểu ban, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp báo cáo và giải trình với Hội đồng quản trị và phải được Hội đồng quản trị chấp thuận.

CHƯƠNG VIII. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ NỘI DUNG KHÁC

Điều 25. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị thống nhất việc lựa chọn Người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương và lợi ích khác của:
 - a. Tổng Giám đốc dựa trên đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Người điều hành doanh nghiệp khác dựa trên đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
3. Quyết định/Nghị quyết về việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp phải có thời hạn.
4. Hội đồng quản trị quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:
 - a. Có đơn từ nhiệm chức danh hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty;
 - b. Không hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian 02 năm liên tục;
 - c. Có thái độ và hành vi trong quá trình làm việc mà theo đánh giá của Hội đồng quản trị là gây ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến Công ty;
 - d. Không đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định về quyền và nghĩa vụ của Người điều hành doanh nghiệp;
 - e. Không còn tồn tại chức danh do kết quả thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty theo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị thông báo về việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
6. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quản lý người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác.
7. Tổng Giám đốc có quyền đề xuất cơ cấu bao gồm số lượng và chức danh; lương, thù lao và các lợi ích khác cho những Người điều hành doanh nghiệp và người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các tổ chức khác để Hội đồng quản trị xem xét.

Điều 26. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác

1. Người đại diện theo ủy quyền có các quyền hạn và nghĩa vụ với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại tổ chức khác theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế/Quy định cho Hội đồng quản trị ban hành và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về cách thức tổ chức và hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác.

3. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền, phân quyền cho Tổng Giám đốc (i) quyết định một số vấn đề liên quan đến công ty con, tổ chức mà Công ty có cổ phần/phần vốn góp và (ii) giám sát hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác.

Điều 27. Người có liên quan và kiểm soát giao dịch với Người có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật phải khai báo Người có liên quan và các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết cách thức thực hiện và kiểm soát giao dịch với Người có liên quan phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của Người có quyền lợi liên quan

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của Người có quyền lợi liên quan, bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người có quyền lợi liên quan khác.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những Người có quyền lợi liên quan thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định; và/hoặc
 - b. Khuyến khích Người có quyền lợi liên quan đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan đến quyền lợi của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác luôn tôn trọng và đảm bảo các quyền, lợi ích theo pháp luật của người lao động trong Công ty; luôn cân nhắc và xem xét lợi ích của người lao động trong các quyết định của mình.
4. Công ty phải tuân thủ đầy đủ các quy định về lao động, môi trường, xã hội; hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

**CHƯƠNG IX. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ CÁC BỘ
PHẬN/CHỨC DANH THỰC HIỆN CHỨC DANH THAM MƯU, GIÚP VIỆC CHO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 29. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và các bộ phận/chức danh thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các nội dung, tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và các bộ phận/chức danh thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định trong cuộc họp đầu tiên của năm tài chính các nội dung đánh giá, tiêu chuẩn đánh giá và phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động của các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của mình trong năm tài chính đó.
3. Thủ tục, trình tự tổ chức cuộc họp đánh giá hiệu quả hoạt động và công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Phân bổ thù lao, khen thưởng và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị phân bổ thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua cho thành viên Hội đồng quản trị và các bộ phận/chức danh tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị áp dụng hình thức kỷ luật bằng văn bản công khai với hình thức kỷ luật cao nhất là đề nghị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm/bãi nhiệm.

CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 31. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng.

Điều 32. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 11 Chương, 33 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2025 tại địa chỉ 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. Quy chế này thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.
2. Quy chế này được lập thành 05 bản và có giá trị pháp lý như nhau. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện pháp luật của Công ty hoặc được cơ quan/tổ chức có thẩm quyền chứng thực bản sao.
3. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế mâu thuẫn với Điều lệ Công ty hoặc quy định pháp luật thì quy định của Điều lệ Công ty, quy định pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TẠ NAM BÌNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**
Số: 46/TTTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 03 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);

Nhằm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật chứng khoán 54/2019/QH14 và Hệ thống quản trị hiện hành của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Phụ lục 01 đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông Bidiphar;
- HĐQT, UBKT;
- Ban điều hành;
- Lưu Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Người ký: TẠ
NAM BÌNH
Thời gian ký:
03.04.2025
09:56:03
+07:00

PHỤ LỤC 01. DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đính kèm theo Tờ trình số 46/TTr- HĐQT-ĐHĐCD2025 ngày 03/04/2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y
TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**

Bình Định, tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

<u>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</u>	1
<u>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</u>	1
<u>Điều 2. Giải thích từ ngữ</u>	1
<u>CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN/TIỂU BAN TRỰC THUỘC</u>	2
<u>Điều 3. Cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị</u>	2
<u>Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u>	2
<u>Điều 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>	2
<u>Điều 6. Thành viên Hội đồng quản trị</u>	3
<u>Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</u>	3
<u>Điều 8. Ủy ban, Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</u>	3
<u>Điều 9. Ủy ban kiểm toán</u>	4
<u>CHƯƠNG III. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN/TIỂU BAN TRỰC THUỘC</u>	5
<u>Điều 10. Ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị</u>	5
<u>Điều 11. Phương thức gửi tài liệu</u>	6
<u>Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị</u>	6
<u>Điều 13. Cuộc họp của Ủy ban, Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</u>	7
<u>Điều 14. Tổ chức họp Hội đồng quản trị thông qua hình thức lấy ý kiến biểu quyết trên nền tảng trực tuyến</u>	7
<u>Điều 15. Thông qua các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị</u>	8
<u>CHƯƠNG IV. QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</u>	9
<u>Điều 16. Quan hệ phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc</u>	9
<u>CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</u>	10
<u>Điều 17. Điều khoản thi hành</u>	10

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, Ủy ban, Tiểu ban và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan theo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ có ý nghĩa tương tự trong Quy chế này.

CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN/TIỂU BAN TRỰC THUỘC

Điều 3. Cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này .
2. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo trình tự, thủ tục và thời hạn quy định tại nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này.
3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành doanh nghiệp xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị được quyền sử dụng con dấu và các phương tiện làm việc khác của Công ty khi thực hiện các công việc thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế này và tại nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Sau khi quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thông báo hoặc yêu cầu Thư ký Công ty thông báo cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản có thời hạn không quá ba (03) tháng cho thành viên Hội đồng quản trị thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ của mình. Việc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị phải được thông báo đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Điều 6. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế này của Công ty có quy định khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm phụ trách Ủy ban, Tiểu ban, lĩnh vực, dự án, chịu trách nhiệm lập kế hoạch hoạt động, xem xét và đánh giá các tài liệu liên quan đến Ủy ban, Tiểu ban hoặc lĩnh vực, dự án được phân công phụ trách trước khi trình Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải dành đủ thời gian cần thiết để tiếp xúc và trao đổi tình hình kinh doanh của Công ty với Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp; nghiên cứu các tài liệu và trao đổi công việc với nhau. Khi thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, thành viên Hội đồng quản trị phải có ý kiến rõ ràng và cụ thể trên cơ sở nhận thức và hiểu biết về vấn đề và vì lợi ích của Công ty.

Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty và Điều 11 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì trong vòng 05 ngày làm việc, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại phải tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới.

Điều 8. Ủy ban, Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ, ngân sách hoạt động và nhân sự của các Ủy ban, Tiểu ban theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này.
2. Tùy từng trường hợp cụ thể, các Ủy ban, Tiểu ban có quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ liên quan đến các lĩnh vực của Ủy ban, Tiểu ban, bao gồm:
 - a. Xem xét và đề xuất với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức giám sát và báo cáo định kỳ cho Hội đồng quản trị về việc triển khai các nội dung Hội đồng quản trị đã thông qua;

- c. Tư vấn cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức nghiên cứu, cập nhật và thông tin cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về các cải tiến, thay đổi phương pháp, kỹ thuật, công cụ quản lý;
 - e. Tổ chức kiểm tra và đánh giá các hoạt động của Công ty; đề xuất các cải tiến, thay đổi nhằm nâng cao tính hiệu quả và chuẩn mực trong các hoạt động của Công ty;
 - f. Các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ khác được quy định tại nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Ủy ban/Tiểu ban.
- 3. Các thành viên của Ủy ban, Tiểu ban có trách nhiệm bảo mật thông tin. Nếu tiết lộ thông tin trong tiến trình làm việc cho các tổ chức, cá nhân khác gây thiệt hại cho Công ty hay Cổ đông thì phải chịu trách nhiệm cá nhân và bồi thường thiệt hại.
 - 4. Hội đồng quản trị giải thể Ủy ban, Tiểu ban khi hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban đó không đạt các mục tiêu khi thành lập, đã hoàn tất mục tiêu khi thành lập hoặc khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Khi giải thể Ủy ban, Tiểu ban, mọi hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban đó và các tài liệu được chuyển giao lại cho Ủy ban, Tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị hoặc cho Hội đồng quản trị.
 - 5. Các Ủy ban, Tiểu ban được quyền sử dụng các phương tiện làm việc của Công ty trong tiến trình giải quyết các công việc thuộc quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ.

Điều 9. Ủy ban kiểm toán

- 1. Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều 38 Điều lệ Công ty.
- 2. Hội đồng quản trị quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ và các nội dung khác liên quan đến Ủy ban kiểm toán trong Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

CHƯƠNG III. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN/TIỂU BAN TRỰC THUỘC

Điều 10. Ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị

1. Ngoài các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Ủy ban, Tiểu ban, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp thực hiện một số trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị phải bằng văn bản xác định cụ thể chủ thể, nội dung, trách nhiệm, thời hạn và điều kiện ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua. Hội đồng quản trị có quyền chấm dứt việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền tại Điều này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho chủ thể được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.
3. Chủ thể được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền không được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền lại cho chủ thể khác, trừ trường hợp văn bản ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền quy định rõ ràng cho phép được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền lại.
4. Các chủ thể được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, và các văn bản ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền; định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị việc thực hiện các vấn đề được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền; và chịu trách nhiệm trong trường hợp thực hiện thiếu cẩn trọng hoặc vi phạm các quy định gây thiệt hại cho Công ty.
5. Bất kể việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền tại Điều này, Hội đồng quản trị không bị mất các quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, mà có quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó tại bất kỳ thời điểm nào theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có quyền từ chối hoặc phản đối bất kỳ quyết định nào mà chủ thể được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền hoặc chủ thể được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền lại đưa ra.
6. Hội đồng quản trị không được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Tổng Giám đốc và/hoặc những Người điều hành doanh nghiệp thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và/hoặc những Người điều hành doanh nghiệp có liên quan.
7. Hội đồng quản trị có quyền phân công hoặc chỉ định một hoặc một số phòng ban, Ủy ban, Tiểu ban hoặc cá nhân chịu sự quản lý của Ban điều hành giám sát việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền tại Quy chế này.

8. Đối với các công việc, trách nhiệm hoặc quyền hạn đã ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, Hội đồng quản trị sẽ không chịu các trách nhiệm phát sinh từ và/hoặc liên quan đến việc người nhận ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền (i) vi phạm hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này và các văn bản ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, và (ii) thực hiện các công việc vượt quá phạm vi ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.

Điều 11. Phương thức gửi tài liệu

Tài liệu được coi là đã gửi cho thành viên Hội đồng quản trị nếu đã được gửi đi bằng một trong các hình thức sau:

1. Gửi đến Email Công ty của các thành viên.
2. Gửi trên nền tảng trực tuyến mà Hội đồng quản trị thống nhất sử dụng theo từng thời điểm.

Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty và Điều 13 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Nếu xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc và/hoặc Người điều hành doanh nghiệp tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
2. Thư ký Công ty chịu trách nhiệm cập nhật tài liệu sử dụng tại cuộc họp Hội đồng quản trị đã gửi theo thông báo mời họp, và thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị các thay đổi đáng kể về chương trình, nội dung cuộc họp và tài liệu trước khi cuộc họp Hội đồng quản trị bắt đầu.
3. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp đúng theo chương trình và nội dung cuộc họp đã được thông báo. Chủ tọa cuộc họp có quyền hoãn cuộc họp hoặc một phần nội dung cuộc họp đến một thời điểm khác, hoặc chấm dứt cuộc họp khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho người tham dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết, trong trường hợp cuộc họp được tổ chức theo hình thức họp online; hoặc
 - b. Xuất hiện các tài liệu mới liên quan đến nội dung cuộc họp đang được thảo luận mà đa số thành viên Hội đồng quản trị nhận thấy chưa đánh giá được các ảnh hưởng, tác động đến vấn đề đang thảo luận.

4. Thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị bằng cách giơ tay, bỏ phiếu hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng phương pháp điện tử hoặc các phương thức phù hợp khác.
5. Ngoài các cuộc họp được quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi về chuyên môn hoặc một số vấn đề của Công ty mà không thuộc trường hợp phải triệu tập, tổ chức và lập biên bản cuộc họp theo quy định tại Quy chế này. Các cuộc gặp gỡ, trao đổi này không được xem là cuộc họp Hội đồng quản trị chính thức để ban hành nghị quyết/quyết định hoặc biểu quyết thông qua bất kỳ vấn đề nào.

Điều 13. Cuộc họp của Ủy ban, Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán được thực hiện theo các quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty và Điều 18 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Các Tiểu ban có thể họp định kỳ hay bất thường, bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến, tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác. Trưởng Tiểu ban là người triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Tiểu ban.
3. Trưởng Tiểu ban phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên của Tiểu ban đó ít nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Cuộc họp Tiểu ban có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến.
4. Trưởng Tiểu ban có quyền mời thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan khác tham dự cuộc họp của Tiểu ban. Những người được mời họp có quyền phát biểu, thảo luận tại cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.
5. Các quyết định của Tiểu ban được thông qua tại cuộc họp khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp. Trừ trường hợp Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban quy định khác, nếu số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Tiểu ban.

Điều 14. Tổ chức họp Hội đồng quản trị thông qua hình thức lấy ý kiến biểu quyết trên nền tảng trực tuyến

1. Khi xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp theo Điểm a, b và c Khoản 5 Điều 13 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị trên nền tảng trực tuyến theo Điểm d Khoản 5 Điều 13 cho tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của Hội đồng quản trị.

2. Thời gian hợp lý để thành viên Hội đồng quản trị nghiên cứu và trả lời tùy thuộc vào vấn đề cần lấy ý kiến và sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định, nhưng trong mọi trường hợp không ít hơn ba (03) ngày làm việc và không vượt quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày vấn đề xin ý kiến được đăng tải lên nền tảng trực tuyến.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải gửi ý kiến của mình trong thời hạn quy định lên nền tảng trực tuyến. Sau thời hạn này, Thư ký Công ty sẽ lập Biên bản lấy ý kiến biểu quyết của Hội đồng quản trị cho vấn đề được xin ý kiến. Biên bản lấy ý kiến biểu quyết của Hội đồng quản trị được xem là Biên bản họp và phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về thể thức và nội dung theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Thông qua các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết/Quyết định theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế này.
2. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết. Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua trong các trường hợp sau:
 - a. Được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc cho ý kiến biểu quyết trên nền tảng trực tuyến tán thành;
 - b. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến, khi chưa thống nhất với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, nhưng phải chấp hành Nghị quyết/Quyết định. Ý kiến bảo lưu của thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IV. QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 16. Quan hệ phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát thường xuyên việc điều hành của Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế này.
2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị được quyền nhận các tài liệu, quyết định của Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và các tài liệu khác của Công ty.
3. Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp phải tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và báo cáo cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị các vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.
4. Bất kỳ khi nào xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp báo cáo, giải trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng cách thông báo trước cho người được yêu cầu báo cáo, giải trình ít nhất 07 ngày làm việc. Yêu cầu phải nêu rõ các nội dung cần báo cáo, giải trình, thời gian và địa điểm thực hiện việc báo cáo, giải trình. Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp có quyền từ chối các yêu cầu báo cáo, giải trình nhưng phải nêu rõ lý do và phải được Hội đồng quản trị chấp thuận.
5. Hội đồng quản trị có thể tham khảo ý kiến Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp về các vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của Hội đồng quản trị.
6. Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp trong vòng 24 giờ kể từ ngày ban hành và phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 05 Chương, 17 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2025 tại địa chỉ 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này được lập thành ba (03) bản và có giá trị pháp lý như nhau. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện pháp luật của Công ty hoặc được cơ quan/tổ chức có thẩm quyền chứng thực bản sao.
3. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế mâu thuẫn với Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoặc quy định pháp luật thì quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quy định pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TẠ NAM BÌNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**
Số /NQ-ĐHĐCĐ2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
(BIDIPHAR)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành ("Luật Chứng khoán");

Căn cứ Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar);

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số /BB-ĐHĐCĐ2025 ngày /04/2025;

QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU 1. THÔNG QUA BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024:

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 với một số chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH/KH (%)	Thực hiện 2023	%Thực hiện 2024/2023
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	936	936	100%	748	125%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.000	1.817	91%	1.732	105%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	320	325	102%	320	102%

ĐIỀU 2. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2024

Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỉ lệ 20% cho năm 2024 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.
- Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 chi tiết tại Phụ lục 01 Nghị quyết này.

ĐIỀU 3. THÔNG QUA BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2024

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2024.

ĐIỀU 4. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 (riêng lẻ và hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST&YOUNG Việt Nam.

ĐIỀU 5. THÔNG QUA ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua Định hướng hoạt động năm 2025 với một số chỉ tiêu của Kế hoạch kinh doanh năm 2025 (hợp nhất) như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% Tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	936	1.134	+21,2%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.817	2.000	+10,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	325	335	+3,07%
4	Tỷ lệ cổ tức (bằng tiền hoặc cổ phiếu)	%	20% bằng cổ phiếu	Tối thiểu 20% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu	-

ĐIỀU 6. THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2025

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong 04 Công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán (bao gồm nhưng không giới hạn các chi nhánh của công ty kiểm toán) được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán được đề nghị dưới đây để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2025 của Bidiphar:

1. Công ty TNHH PwC (Việt Nam).
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
3. Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.
4. Công ty TNHH KPMG.

ĐIỀU 7. THÔNG QUA VIỆC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024 cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Số tiền (VND)
I	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ năm 2024	100% LNST	100% LNST	275.181.949.187
II	Phân phối các quỹ			66.043.667.805
1	Quỹ đầu tư phát triển	10% LNST	10% LNST	27.518.194.919
2	Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	10% LNST	10% LNST	27.518.194.918
3	Thù lao HĐQT, Ban KTNB	2% LNST	2% LNST	5.503.638.984
4	Thưởng Ban điều hành	2% LNST	2% LNST	5.503.638.984
III	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các Quỹ năm 2024 (III)=(I)-(II)	-	-	209.138.281.382
IV	Chia cổ tức (bằng tiền hoặc/và cổ phiếu)	Tối thiểu 20%/vốn điều lệ	20% bằng cổ phiếu	187.107.520.000
V	Lợi nhuận còn lại năm 2024 (V)=(III)-(IV)	LNST còn lại	LNST còn lại	22.030.761.382

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty để lựa chọn thời điểm, hình thức chi trả cổ tức phù hợp cho cổ đông và quyết định mọi công việc khác có liên quan để hoàn thành việc chi trả/tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2025
I	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ năm 2024	100% LNST
II	Phân phối các quỹ	
1	Quỹ đầu tư phát triển	10% LNST
2	Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	10% LNST
3	Thù lao HĐQT, Ban KTNB	2% LNST
4	Thưởng Ban điều hành	2% LNST
III	Chia cổ tức (bằng tiền hoặc/và cổ phiếu)	Tối thiểu 20% mệnh giá, bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu
IV	Lợi nhuận còn lại (IV)=(I)-(II)-(III)	LNST còn lại

ĐIỀU 8. THÔNG QUA SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 749/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2024 theo nội dung chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Nghị quyết này.

ĐIỀU 9. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty theo nội dung quy định chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm Nghị quyết này.

ĐIỀU 10. THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY; THÔNG QUA BAN HÀNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Toàn văn Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty được đính kèm theo Nghị quyết này.

Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty mới nêu trên có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Điều lệ và các Quy chế được sửa đổi gần nhất.

ĐIỀU 11. GIAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Đối với những nội dung mà Đại hội đồng cổ đông giao quyền và/hoặc phân công cho Hội đồng Quản trị được thể hiện trong Nghị quyết này, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thực hiện một cách hiệu quả, đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định pháp luật.

Việc giao quyền và/hoặc phân công của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực cho đến khi Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị hoàn thành công việc hoặc Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết thay đổi.

56/ N HỀ DỊN 18/ 11.01

ĐIỀU 12. NGHỊ QUYẾT NÀY ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR) THÔNG QUA VÀ CÓ HIỆU LỰC KỂ TỪ NGÀY KÝ.

Nơi nhận:

- *Cổ đông Bidiphar;*
- *HĐQT, UBKT;*
- *Ban điều hành;*
- *SSC, HOSE, VSDC;*
- *Lưu Thư ký Công ty.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

TẠ NAM BÌNH



CHỖ CHỮ TAY

PHỤ LỤC 01.

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2024

(Đính kèm Nghị quyết số: /NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày /04/2025)

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024

1. Tên chứng khoán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar).
2. Mã chứng khoán	:	DBD.
3. Loại chứng khoán	:	Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng.
5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	93.593.847 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	93.553.762 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu quỹ	:	40.085 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	:	18.710.752 cổ phiếu
9. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	:	187.107.520.000 đồng
10. Tỷ lệ phát hành	:	20% số lượng cổ phiếu lưu hành
11. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	:	1.123.045.990.000 đồng
12. Mục đích phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông
13. Đối tượng phát hành	:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14. Nguồn vốn thực hiện	:	Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2024 theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.
15. Tỷ lệ thực hiện quyền	:	Tỷ lệ 100:20. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 20 cổ phiếu mới.
16. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh	:	Số cổ phiếu phát hành thêm khi chia cho các cổ đông được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ được hủy bỏ. <i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông A sở hữu 114 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 22,8 cổ phiếu (=114x20%). Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế cổ đông A được nhận là 22 cổ phiếu. Trong trường hợp này, phần lẻ (0,8 cổ phiếu) sẽ bị hủy bỏ.</i>
17. Chuyển nhượng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu	:	Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
18. Thời gian thực hiện	:	Dự kiến trong Quý II và Quý III năm 2025, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
19. Điều chỉnh đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	:	Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm để chi trả cổ tức sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung trên

11/2025/ĐHĐCĐ/01

II. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 như sau:

1. Quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh và quy định chi tiết nội dung phương án phát cổ phiếu nêu trên và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
2. Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung (nếu có) hồ sơ phát hành cổ phiếu để nộp cho Cơ quan có thẩm quyền;
3. Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai phát hành và thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông theo quy định;
4. Thực hiện sửa đổi, bổ sung các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm sau khi hoàn tất đợt phát hành;
5. Thực hiện các thủ tục sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt phát hành theo đúng quy định của pháp luật;
6. Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Định;
7. Quyết định các vấn đề phát sinh khác có liên quan đến quá trình triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

PHỤ LỤC 02.

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR) ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 749/NQ-ĐHCD NGÀY 27/04/2024 ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
(Đính kèm Nghị quyết số: /NQ-ĐHCD2025 ngày /04/2025)

I. Về nội dung Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) (ESOP):

Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) sau khi được cập nhật, sửa đổi và bổ sung có nội dung như sau:

Tên chứng khoán	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar).
Mã chứng khoán	: DBD.
Loại chứng khoán	: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá	: 10.000 đồng.
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 93.553.762 cổ phiếu (<i>Bằng chữ: Chín mươi ba triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi hai cổ phiếu</i>)
Thời gian phát hành và thứ tự thực hiện các phương án phát hành	: Dự kiến trong năm 2025 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. Việc thực hiện tăng vốn theo các Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar), Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 tại Tờ trình số 41/TTr-HĐQT-ĐHĐCD2025 ngày 03/04/2025; và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại Tờ trình số 43/TTr-HĐQT-ĐHĐCD2025 ngày 03/04/2025 của HĐQT được thực hiện theo thứ tự như sau: 1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông. 2. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. 3. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	: 112.264.514 cổ phiếu (<i>Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm mười bốn cổ phiếu</i>).
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	: Tối đa 1.122.645 cổ phiếu (<i>Bằng chữ: Một triệu một trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm cổ phiếu</i>) nhưng không vượt quá 1% (một phần trăm) số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện phát hành.
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	: 11.226.450.000 đồng (<i>Bằng chữ: Mười một tỉ hai trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng</i>)

Nguyên tắc xác định giá phát hành	: ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định giá phát hành nhưng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu).
Mục đích phát hành	: Đảm bảo mang đến lợi ích và giá trị cao nhất dành cho tất cả các bên liên quan; Giữ chân và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; Tăng cường sự gắn kết, khuyến khích và tạo động lực mạnh mẽ đối với người lao động cùng đóng góp tích cực hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2025 và quá trình phát triển Công ty; Đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Công ty.
Đối tượng phát hành	: Người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) và/hoặc công ty con của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) (gọi chung là “Người lao động”).
Tiêu chuẩn Người lao động được tham gia chương trình ESOP	: Người lao động thuộc ít nhất 01 (một) trong 02 (hai) đối tượng sau: 1. Người lao động là thành viên Ban Điều hành (bao gồm các thành viên Ban Điều hành đồng thời là thành viên HĐQT) hoặc các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm (nhưng không bao gồm các thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh khác); 2. Người lao động giữ các chức danh quản lý (gồm Trưởng/phó bộ phận hoặc tương đương), chuyên gia cấp cao tại Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây: a. Có thời gian ký Hợp đồng lao động với Công ty ít nhất 02 năm tính đến thời điểm lập danh sách; b. Đảm nhận vị trí quản lý trong giai đoạn 2020-2024; c. Đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty giai đoạn 2020 – 2024: đảm nhận hoặc chịu trách nhiệm chính trong việc tạo ra hiệu quả của Công ty (có KPIs cá nhân liên quan trực tiếp KPIs toàn Công ty); hoặc Có các ý tưởng, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, v.v giúp Công ty đạt được các mục tiêu đã đặt ra; hoặc Có năng lực, triển vọng để tham gia thực hiện các mục tiêu định hướng chiến lược của Công ty giai đoạn 2025 – 2030; d. Có khả năng gắn bó lâu dài với Công ty và cam kết thực hiện Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động của Công ty do HĐQT ban hành. Trong trường hợp quy định pháp luật về thẩm quyền quyết định Tiêu chuẩn Người lao động tham gia chương trình ESOP được áp dụng tại thời điểm triển khai thực hiện việc tăng vốn cho phép, ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT được quyết định sửa đổi, bổ sung các Tiêu chuẩn Người lao động được tham gia chương trình ESOP trên đây theo hướng tối đa hoá lợi ích cho cổ đông và Người lao động, nhưng phải đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật hiện hành.
Điều kiện hạn chế chuyển nhượng	: Toàn bộ số phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) bị hạn chế chuyển nhượng 04 (bốn) năm kể từ ngày kết

	thúc đẩy phát hành.
Điều khoản mua lại cổ phiếu và bán ra sổ cổ phiếu mua lại	Được quy định cụ thể tại Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar). ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định Điều khoản mua lại cổ phiếu và bán ra sổ cổ phiếu mua lại đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm thực hiện.

II. Về tổ chức thực hiện

ĐHĐCĐ thống nhất giao/uỷ quyền cho HĐQT thực hiện các công việc như sau:

- Quyết định giá phát hành nhưng mọi trường hợp phải đảm bảo không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu);
- Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành cụ thể nhưng mọi trường hợp không vượt quá 1% (một phần trăm) số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện phát hành;
- Quyết định lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar);
- Trong trường hợp quy định pháp luật về thẩm quyền quyết định Tiêu chuẩn Người lao động tham gia chương trình ESOP được áp dụng tại thời điểm triển khai thực hiện cho phép, ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT được quyết định sửa đổi, bổ sung các Tiêu chuẩn Người lao động được tham gia chương trình ESOP trên đây theo hướng tối đa hoá lợi ích cho cổ đông và Người lao động, nhưng phải đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật hiện hành;
- Quyết định xử lý cổ phiếu không phân phối hết, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) cho đối tượng khác là Người lao động đáp ứng các tiêu chuẩn xét chọn người lao động được quyền mua cổ phiếu ESOP đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong trường hợp phát hành cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài;
- Quyết định xây dựng, ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar); Quyết định tiêu chí cụ thể, danh sách, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và số lượng cổ phần Người lao động được tham gia chương trình và nguyên tắc làm tròn khi phân phối cổ phiếu cho Người lao động; Quyết định điều khoản thu hồi cổ phiếu và bán ra sổ cổ phiếu bị thu hồi;
- Quyết định bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và giải trình toàn bộ các vấn đề, nội dung của phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) (bao gồm các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và ký kết các văn bản liên quan để thực hiện việc tăng vốn theo đúng quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ;
- Quyết định sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;

- j) Thực hiện các thủ tục sửa đổi đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt phát hành theo đúng quy định của pháp luật;
- k) Giao HĐQT cân nhắc, lựa chọn đơn vị tư vấn (nếu cần thiết), chủ động triển khai các công việc liên quan đến việc phát hành phù hợp với các quy định của pháp luật;
- l) Quyết định các nội dung khác phát sinh để hoàn tất việc thực hiện tăng vốn điều lệ.

PHỤ LỤC 03.

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHO NHÀ ĐẦU TƯ

(Đính kèm Nghị quyết số: /NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày /04/2025)

1. **Tên cổ phiếu chào bán:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
3. **Mã chứng khoán:** DBD
4. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. **Loại tiền chào bán:** Đồng Việt Nam (VND).
6. **Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:** 93.553.762 cổ phiếu (*Bằng chữ: Chín mươi ba triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi hai cổ phiếu*).
7. **Vốn điều lệ hiện tại:** 935.938.470.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm ba mươi lăm tỷ chín trăm ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng*).
8. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 23.300.000 cổ phiếu (*Bằng chữ: Hai mươi ba triệu ba trăm cổ phiếu*).
9. **Tổng giá trị dự kiến chào bán (theo mệnh giá):** 233.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba tỷ đồng*).
10. **Hình thức chào bán:** Chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
11. **Phương thức chào bán:** Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
12. **Phương án phát hành cụ thể:**
 - **Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán riêng lẻ:** 23.300.000 cổ phiếu.
 - **Nguyên tắc xác định giá chào bán:** Giá chào bán cụ thể được HĐQT xác định theo thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư nhưng không thấp hơn 50.000 đồng/cổ phiếu.
 - **Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành/tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 24,91%.**
Tỷ lệ cổ phiếu chào bán thêm nêu trên được tính toán lại theo số lượng cổ phiếu thực tế đang lưu hành tại thời điểm thực hiện chào bán.
 - **Mục đích phát hành:** Bổ sung nguồn vốn đầu tư của Công ty để thực hiện hoạt động đầu tư cho 02 Dự án đã được ĐHĐCĐ thông qua (i) Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ, và (ii) Dự án Nhà máy OSD Non-Betalaetam.
 - **Đối tượng phát hành:** Là tổ chức trong và/hoặc ngoài nước đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật Chứng khoán.
 - **Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư:**
 - Là tổ chức trong và/hoặc ngoài nước đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật Chứng khoán;
 - Có tiềm lực tài chính, cam kết đồng hành, hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị và tài chính để phát triển Công ty và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
 - **Số lượng nhà đầu tư:** Tối đa 05 (năm) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
Ủy quyền cho HĐQT quyết định danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được chào bán đảm bảo đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua và quyết định số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.

- **Hạn chế chuyển nhượng:** Số cổ phiếu chào bán riêng lẻ nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
 - **Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết:** Số cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư không phân phối hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá được xác định tại nguyên tắc xác định giá chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua. Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Việc lựa chọn đối tượng được mua đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán. Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn lại không phân phối hết sẽ được hủy bỏ. Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu thực tế phát hành.
- 13. Thời gian dự kiến phát hành:**
 Dự kiến thực hiện trong năm 2025-2026, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
 Đợt phát hành riêng lẻ trên sẽ được thực hiện sau khi Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) hoàn tất quá trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo nội dung tại Tờ trình số 41/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025 ngày 03/04/2025 và hoàn tất Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Tờ trình số 42/TTr-HĐQT-ĐHĐCĐ2025 ngày 03/04/2025.
- 14. Đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung:** Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thêm thành công sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung theo đúng quy định của pháp luật.
- 15. Chào mua công khai:** Trường hợp tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ dẫn đến tỷ lệ sở hữu của đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại khoản 1 điều 35 Luật Chứng khoán thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- 16. Phương án sử dụng vốn:** Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty dùng để bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động đầu tư 02 Dự án theo thứ tự ưu tiên là:
- (1) *Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ, tổng dự toán 840.000.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi tỷ đồng) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 490/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023; và*
 - (2) *Dự án Nhà máy OSD Non-Betalactam, tổng dự toán 870.000.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi tỷ đồng) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 749/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024.*
- Ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết, phân bổ và luân chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào các dự án nêu trên, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ.
- 17. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án:** Công ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc vay ngân hàng hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện mục đích sử dụng vốn nêu trên.
- 18. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ trên bản Điều lệ

Công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định sau khi có Thông báo bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.

19. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT triển khai các công việc liên quan đến việc phát hành như sau:

- 1) Lựa chọn thời điểm thích hợp và tổ chức thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai thực hiện phương án chào bán theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.
- 2) Lựa chọn và quyết định thông qua danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu, số lượng cổ phiếu và giá chào bán cho từng nhà đầu tư đáp ứng tiêu chí lựa chọn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, các Nhà đầu tư không phải là đối tượng bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo khoản 3 điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và theo quy định pháp luật liên quan.
- 3) Quyết định xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp của nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu.
- 4) Quyết định thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- 5) Quyết định thay đổi tỷ lệ chào bán căn cứ vốn điều lệ thực tế tại thời điểm chào bán.
- 6) Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- 7) Căn đối và phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho hoạt động đầu tư 02 Dự án theo thứ tự ưu tiên là (1) Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ, và (2) Dự án Nhà máy OSD Non-Betalactam theo tình hình thực tế và hợp lý, đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.
- 8) Căn cứ theo nguồn vốn thực tế thu được và tình hình thực tế của Công ty, chủ động triển khai các phương án bù đắp phần thiếu hụt để đầu tư các dự án trong trường hợp cần thiết.
- 9) Quyết định phương án xử lý đối với số cổ phiếu không phân phối hết trong đợt chào bán theo các nguyên tắc nêu trên.
- 10) Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ sau khi có Thông báo bằng văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- 11) Thực hiện sửa đổi Điều lệ Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi có Thông báo bằng văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- 12) Thực hiện đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.
- 13) Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung đối với số cổ phiếu chào bán thành công theo đúng quy định của pháp luật.
- 14) Thực hiện các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký Chứng khoán, Sở giao dịch Chứng khoán.
- 15) Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án chào bán theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo việc thực hiện

35
T
L
T
H
H
4-T

Phương án chào bán hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông và Công ty.

16) Các vấn đề khác có liên quan đến phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư.